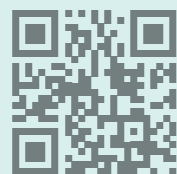


**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**



Số 87 đường Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
www.lhc.com.vn



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2020**



**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	06
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	24
III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	40
V. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	50
IV. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.....	55
VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY	60
VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN.....	76





1| Thông tin chung

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Sơ đồ tổ chức

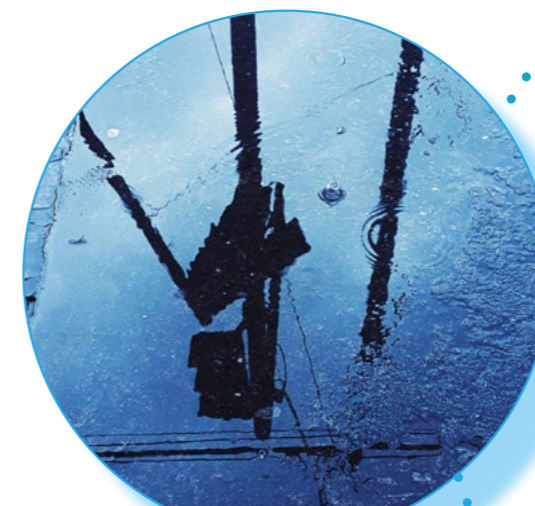
Định hướng phát triển

Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
Tên viết tắt	LHC
Tên Tiếng Anh	Lam Dong Investment and Hydraulic Construction Joint Stock Company
Mã cổ phiếu	LHC
Vốn điều lệ	72.000.000.000 đồng
Trụ sở chính	Số 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	số 5800000424 đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 17/09/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp (cấp lần đầu ngày 27/07/2000).
Điện thoại	0263 3821 854
Fax	0263 3832 542
Email	xdthuyloild@vnn.vn
Website	www.lhc.com.vn





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

Công ty Xây dựng Thủy lợi được thành lập, tiền thân là Đội công trình trực thuộc Công ty Thủy Lợi là Công ty hạch toán độc lập, lực lượng lao động tập trung từ lực lượng thanh niên xung phong xây dựng vùng kinh tế mới.

Xí nghiệp Xây dựng Công trình Thủy lợi chuyển thành Công ty Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng

Công ty tăng vốn điều lệ lên 4 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cổ đông chiến lược.

Công ty tăng vốn điều lệ lên 20 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, đối tác chiến lược và đấu giá ra công chúng.

Công ty chính thức trở thành Công ty mẹ của Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng với tỷ lệ nắm giữ 55,16%.

Công ty chuyển trụ sở chính sang số 87 Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

1976

1981

1993

2000

2003

2007

Đổi tên thành Xí nghiệp Xây dựng Công trình Thủy lợi trực thuộc Liên hiệp của Xí nghiệp Thủy lợi Lâm Đồng.

Công ty được chuyển đổi sang loại hình Công ty Cổ phần theo Quyết định chuyển DNNN Công ty Xây dựng Thủy lợi 1 Lâm Đồng thành Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng số 82/2000/QĐ-UB ngày 27/06/2000

Công ty tăng vốn điều lệ lên 10 tỷ đồng thông qua hình thức thương cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 1/1,5055.

2008

2010

2013

2015

2019

2020
Nay

Công ty chính thức niêm yết 2 triệu cổ phần tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty tăng vốn điều lệ lên 36 tỷ đồng.

Công ty tăng vốn điều lệ lên 72 tỷ đồng thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.





CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



Bộ Tài chính tặng
bằng khen đã có thành tích chấp hành tốt chính sách pháp luật thuế 2010



Bộ Xây dựng tặng
Cúp vàng chất lượng xây dựng Việt Nam năm 2010
cho Công trình Hồ chứa nước Ka La, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng



Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trao cúp
một trong 30 doanh nghiệp minh bạch nhất năm 2015 -2016



NGÀNH NGHỀ & ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- » Thi công các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước.
- » Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông.
- » Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng.
- » Phun vữa xi măng, bê tông các công trình, khoan phụt vữa và dung dịch các loại.
- » Khai thác, chế biến khoáng sản.
- » Hoạt động xuất nhập khẩu.
- » Trồng rừng.
- » Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

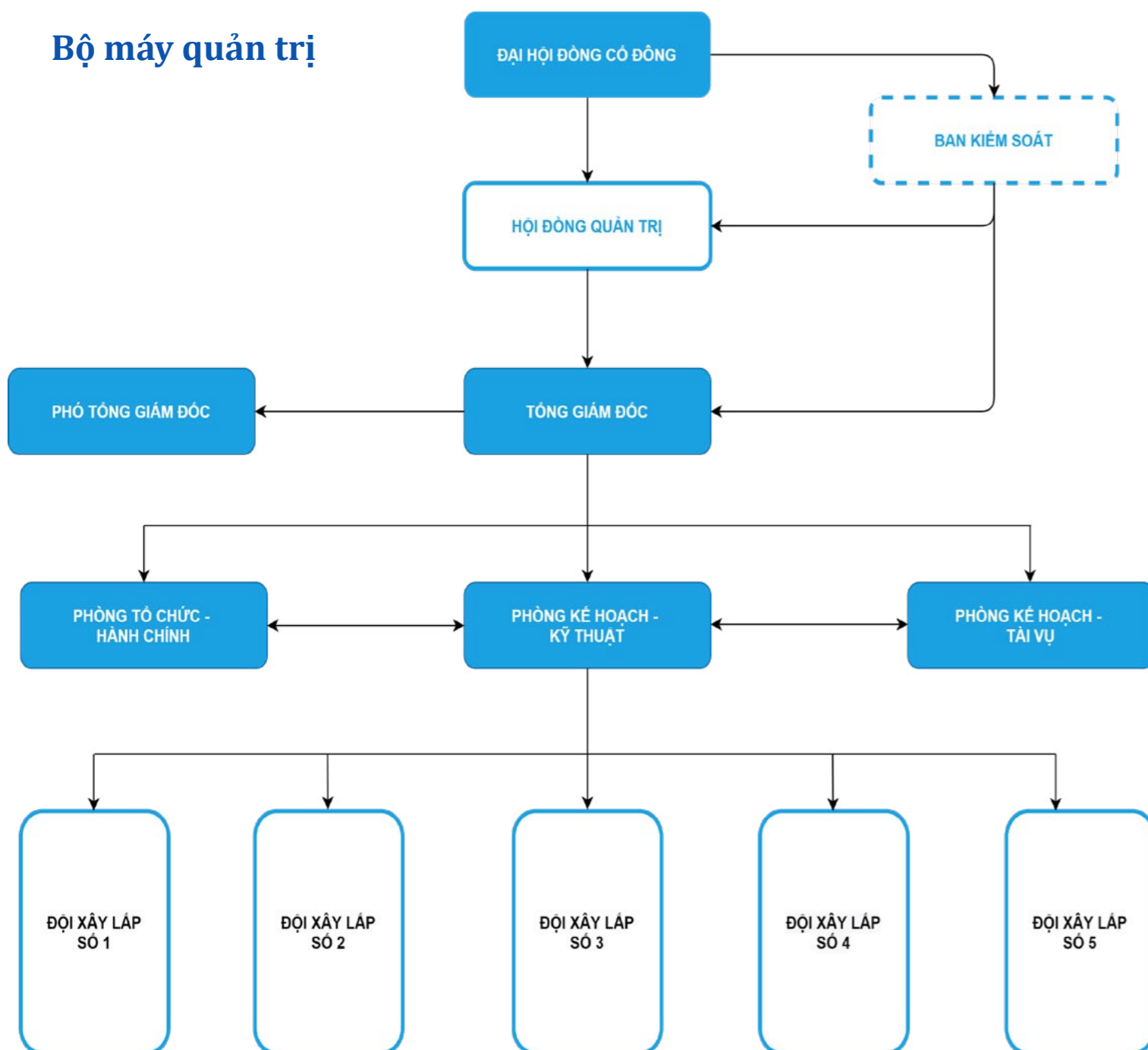
- » Doanh nghiệp hoạt động trên phạm vi cả nước





SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

Bộ máy quản trị



Công ty hoạt động với mô hình công ty cổ phần mô hình quản trị của Công ty tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty:

Đại hội đồng cổ đông: Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Tổng giám đốc: Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Ban kiểm soát: Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của công ty

Công ty con, Công ty liên kết

STT	Thông tin	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con sở hữu trực tiếp			
1	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	64.90%	64.90%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 Địa chỉ: 201/58 Nguyễn Xí, phường 26, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh	51.00%	51.00%
Công ty sở hữu gián tiếp			
1	Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	100.00%	64.90%
2	Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành, xã Tam Bố, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng	91.70%	59.51%
3	Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắc Nông Địa chỉ: Thôn 12, xã Nhân Cơ, Huyện Đắc R'Lấp, Tỉnh Đắc Nông	100.00%	64.90%



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tiếp tục phát huy thế mạnh trong lĩnh vực kinh doanh chính là xây lắp thủy lợi, thủy điện đồng thời mở rộng các hoạt động sản xuất, kinh doanh qua các Công ty con.
- Tham gia các dự án thủy lợi, thủy điện trọng điểm trên phạm vi toàn quốc gia.
- Xây dựng Công ty trở thành thương hiệu uy tín trên thị trường, phát triển bền vững và ổn định.
- Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và dịch vụ, áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến để tăng cường khả năng cạnh tranh.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát. Nâng cao trình độ quản lý, điều hành tại các chi nhánh.

Đối với nhân sự

- Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động; tạo cơ hội và điều kiện phát triển cho tất cả nhân viên.
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng chuyên môn và hiệu quả làm việc cao.

Chiến lược trung và dài hạn

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tối đa hóa năng lực và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Mở rộng hợp tác đầu tư, liên kết và định hướng phát triển đa ngành nghề với quy mô lớn mạnh.
- Tiếp tục đầu tư có hiệu quả cho các đơn vị trực thuộc nhằm đem lại hiệu quả ngày càng tăng cao cho toàn Công ty.
- Nâng cao năng lực quản lý thiết bị: Công tác bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên, quản lý công tác sửa chữa, đảm bảo hoạt động hiệu quả, an toàn, tiết kiệm.
- Đầu tư vào các công nghệ tiên tiến, các máy móc, thiết bị hiện đại giúp tăng năng lực thi công cũng như hiệu quả lao động của công nhân viên.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua các đợt đào tạo chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng mềm khác.
- Tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư các dự án có vốn nước ngoài để nâng cao giá trị và thể hiện khả năng hoạt động của Công ty.

Các mục tiêu phát triển bền vững

Đối với môi trường, xã hội, cộng đồng

- Đảm bảo công tác bảo vệ môi trường và các nguyên tắc an toàn lao động tại công trình thi công; xây dựng môi trường làm việc an toàn, xanh, sạch và hiệu quả.
- Đáp ứng nhu cầu về thu nhập, đời sống và môi trường làm việc cho người lao động; tạo điều kiện thu hút người lao động có trình độ và tay nghề cao và giữ vững đội ngũ công nhân viên hiện tại với mục tiêu đảm bảo phát triển bền vững của Công ty.
- Xây dựng công tác bảo vệ môi trường, tích cực tham gia các hoạt động tình nguyện và từ thiện đối với cộng đồng và toàn xã hội.
- Tuân thủ quy trình khai thác, các quy tắc an toàn trong hoạt động và công tác bảo vệ môi trường
- Đẩy mạnh phong trào văn hóa, thể thao quần chúng, tạo ra cuộc sống tinh thần sôi động, lành mạnh tới cán bộ nhân viên của Công ty.
- Hướng tới các mục tiêu vì cộng đồng, chung tay giúp đỡ và hỗ trợ cộng đồng địa phương như trích Quỹ phúc lợi để tặng quà Tết cho đồng bào dân tộc vùng khó khăn; hỗ trợ và đóng góp vào một số công trình cơ bản của địa phương....





CÁC NHÂN TỐ RỦI RO



Rủi ro kinh tế

Năm 2020 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới nói chung, trong đó có Việt Nam. Kinh tế thế giới được dự báo suy thoái nghiêm trọng nhất trong lịch sử, tăng trưởng của các nền kinh tế lớn đều giảm sâu do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì tăng trưởng với tốc độ tăng GDP ước tính đạt 2,91%. Mặc dù là mức tăng thấp nhất trong giai đoạn 2010-2020, nhưng trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội thì đây là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng năm 2020 thuộc nhóm cao nhất thế giới.

Khi hầu hết các ngành nghề sản xuất kinh doanh tăng trưởng âm, ngành xây dựng tại Việt Nam được xem là điểm sáng trong năm 2020 khi có đà tăng trưởng dương 6,08% so với cùng kỳ các năm giai đoạn 2011-2020. Theo báo cáo Triển vọng 2021 của FPTIS, mảng xây dựng công trình và cơ sở hạ tầng ít bị tác động tiêu cực bởi dịch Covid-19 như nhóm ngành xây dựng dân dụng. Nhà thầu cơ sở hạ tầng sẽ gặp ít khó khăn hơn do lĩnh vực này cạnh tranh ít hơn và nhu cầu chịu ảnh hưởng thấp. Bên cạnh đó, nguồn cung nguyên vật liệu và nhân công nội địa có thể đáp ứng phần lớn các dự án xây dựng công trình và chỉ chịu tác động nhỏ do gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu.

Như hầu hết các doanh nghiệp khác, kết quả hoạt động kinh doanh của LHC vẫn phụ thuộc vào khả năng phục hồi kinh tế của Việt Nam trong năm 2021. Với tình hình dịch Covid-19 trong cộng đồng đang được giám sát chặt chẽ, nền kinh tế tại Việt Nam được kỳ vọng sẽ hồi phục nhanh chóng sau dịch. Do đó, ban lãnh đạo LHC chủ động bám sát tình hình kinh tế và đưa ra các phương án kịp thời, đảm bảo doanh thu tăng trưởng đều, và góp phần thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam đi lên trong thời gian tới.

Rủi ro cạnh tranh

Lĩnh vực xây dựng công trình thủy lợi có sự cạnh tranh cao khi đây là mô hình kinh doanh mang lại nhiều lợi nhuận. Nhiều công ty có vốn hóa nhà nước và vốn tự có lớn nên việc cạnh tranh đầu tư vào công nghệ, các trang thiết bị, đội ngũ chuyên gia sẽ cực kỳ khốc liệt. Ngoài ra, việc tham gia đấu thầu không chỉ dựa vào mức độ đầu tư về máy móc, thiết bị, mà còn yêu cầu nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thi công, xây dựng cùng với đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp. Để giảm thiểu rủi ro cạnh tranh, Công ty không ngừng nâng cấp máy móc và trang thiết bị, tăng vốn điều lệ, và đào tạo nguồn nhân lực nhằm hoàn thiện năng lực cũng như thể hiện giá trị của Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi.



Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro nguyên liệu

Công ty chủ yếu tập trung kinh doanh vào mảng xây dựng, thi công công trình, và xây lắp thủy lợi; nên chi phí hoạt động chính của Công ty phụ thuộc dựa trên giá đầu vào của các nguyên vật liệu, đặc biệt là thép và xi măng. Sự biến động về giá cả và nguồn cung ứng của nguyên vật liệu xây dựng sẽ ảnh hưởng lớn tới hoạt động kinh doanh và doanh thu của doanh nghiệp. Theo báo cáo Triển vọng 2021 của FPTIS, giá thép có dấu hiệu tăng mạnh trong cuối năm 2020, một phần do (1) Bộ Công thương tiếp tục gia hạn biện pháp tự vệ đối với sản phẩm phôi thép và thép dài nhập khẩu tới năm 2023 (Quyết định 918/QĐ-BCT, kéo dài Quyết định 2968/QĐ-BCT từ năm 2016) từ tháng 03/2020; (2) chi phí nhiều nguyên vật liệu sản xuất thép tăng mạnh; và (3) xuất khẩu từ Việt Nam sang Trung Quốc tăng đột biến. Do đột biến trong giá nguyên vật liệu sản xuất và nhu cầu nhập khẩu của Trung Quốc, xu hướng giá thép Việt Nam trong năm 2021 rất khó để đánh giá và sẽ là rủi ro đáng kể đối với các nhà thầu xây dựng. Giá xi măng, ngược lại, có xu hướng giảm nhẹ do nhu cầu chững lại trong khi nguồn cung tăng từ nhiều nhà máy xi măng tại miền Trung và miền Nam đi vào hoạt động sẽ giữ áp lực cạnh tranh ở mức cao, dẫn tới giá xi măng dự kiến sẽ không thay đổi đáng kể trong năm 2021. Ngoài thép và xi măng, các nguyên vật liệu thô khác phục vụ cho ngành xây dựng dự báo không quá biến động trong thời kì Covid-19 và hậu Covid-19.

Để giảm thiểu rủi ro sự thay đổi chênh lệch về giá cả và nguồn cung ứng nguyên vật liệu, ban lãnh đạo LHC chủ động nâng cao năng lực đội ngũ nhân viên theo dõi sát sao hàng tồn kho và đánh giá các biến động về giá thị trường của vật liệu xây dựng. Công ty cần phối hợp với các nhà cung cấp và kí hợp đồng dài hạn để duy trì lượng tồn kho hợp lý và ổn định.

Rủi ro pháp luật

Mọi văn bản Luật, Nghị định, Thông tư, Chính sách ban hành đều có tác động đến hiệu quả hoạt động và kế hoạch kinh doanh của mọi doanh nghiệp nói chung và LHC nói riêng. Một môi trường pháp lý lành mạnh, rõ ràng, tinh gọn vừa tạo điều kiện cho các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp vừa giúp cho các cơ quan chức năng dễ dàng trong công tác quản lý. CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty đại chúng, hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật như Luật Doanh Nghiệp, Luật Thuế, Bộ luật Lao động, Luật Chứng khoán, Luật Đấu thầu, hay Luật Đầu tư. Các thay đổi trong hệ thống pháp luật sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới kế hoạch và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, Công ty luôn chủ động thích nghi và nắm bắt các quy định mới, cải thiện năng lực, và áp dụng các tiêu chuẩn mới phù hợp với Luật hiện hành để đảm bảo điều kiện kinh doanh và nâng cao khả năng cạnh tranh trong ngành

Rủi ro về vốn

Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện đòi hỏi doanh nghiệp sở hữu nguồn vốn lớn để đáp ứng các tiêu chuẩn, đảm bảo xây dựng công trình quy mô mang tính chất quan trọng. Trong đó, việc giải ngân từng phần do nguồn vốn không ổn định hay chậm trễ trong chính sách thu hồi nợ sẽ ảnh hưởng tới tiến độ làm việc và gây ra đình trệ trong công tác xây dựng. Chính vì vậy, ban lãnh đạo LHC luôn theo dõi tiến độ thanh toán của từng hợp đồng, tăng cường đội ngũ quản lý vốn lưu động và dòng tiền hợp lý, tránh tồn đọng nợ, đồng thời cung cấp đầy đủ thiết bị, máy móc, và nguyên vật liệu cho công trình đang thi công.

Rủi ro khác

Các yếu tố thiên tai như đại dịch, cháy rừng, hay lũ lụt xảy ra trong những năm gần đây ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến các công trình xây dựng như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại (phá huỷ một phần hoặc hoàn toàn) ... Để giảm thiểu rủi ro do những tác động không thể dự báo trước, doanh nghiệp đề ra các phương án cụ thể, thành lập các đội ứng phó khẩn cấp, và tổ chức diễn tập. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện mua bảo hiểm thiên tai để hạn chế rủi ro và tạo điều kiện cho Công ty phục hồi sau thiệt hại.



Rủi ro tiến độ do thời tiết, nhân công

Trong mọi ngành nghề đều có một tỷ lệ rủi ro nhất định phát sinh trong quá trình thực hiện, ngành xây dựng cũng không ngoại lệ. Với đặc thù thi công ngoài trời nên chất lượng các công trình ít nhiều bị ảnh hưởng vào mùa mưa, nhất là khi các khu vực đang thi công hiện tại gồm Tây Nguyên và Nam Bộ có lượng mưa lớn và kéo dài theo mùa (bình quân 6 tháng/năm). Bên cạnh đó, thi công công trình còn yêu cầu một số lượng lớn đội ngũ nhân công, phụ thuộc vào thời gian và địa điểm hoạt động kinh doanh. Để đảm bảo tiến độ thi công đạt yêu cầu so với kế hoạch, Công ty luôn chủ động tìm kiếm và sử dụng nguồn nhân lực có sẵn trước mỗi dự án và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công đoạn khó vào mùa khô, sau đó các công việc khác có thể dễ dàng thực hiện vào mùa mưa.

Rủi ro về mặt thủ tục hành chính, pháp lý

Đối với Doanh nghiệp thuộc ngành xây dựng nói chung và LHC nói riêng, rào cản về thủ tục hành chính vẫn luôn ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng và tiến độ hoàn thành của dự án. Một số rủi ro có thể xảy ra như: thay đổi chính sách thuế làm thay đổi các khoản thu nhập, thay đổi hạn ngạch, thuế quan, thay đổi các quy định về mức lương tối thiểu hay chế độ làm việc. Ngoài ra, còn một số rủi ro khác như chính phủ áp dụng biện pháp lãi suất để quản lý và kiểm soát lạm phát, hay quy định về kiểm soát chất thải, bảo vệ môi trường...Do vậy, ban lãnh đạo công ty luôn chủ động đánh giá, xem xét các rủi ro về mặt pháp lý có thể xảy ra, tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý xây dựng để hạn chế các tác động của các sự kiện.

2| Tình hình hoạt động trong năm

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư thực hiện dự án

Tình hình tài chính hợp nhất

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Khoản mục	TH 2019	KH 2020	TH 2020	% TH 2020/ TH 2019	% TH 2020/ KH 2020
1	Doanh thu thuần	758,14	900	867,26	114,39%	96,36%
2	Lợi nhuận từ HĐKD	82.865	-	109,44	-	-
3	Lợi nhuận sau thuế	78,05	75	90,69	116,19%	120,92%

Năm 2020 là một năm đầy khó khăn và thử thách khi tình hình Covid-19 diễn biến phức tạp cùng với giá vật liệu xây dựng tăng đột biến, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp ngành xây dựng trong đó có LHC. Tuy nhiên, ban lãnh đạo Công ty đã không ngừng cải thiện và nỗ lực hết mình để hoàn thành được các mục tiêu mà ĐHCĐ đã đề ra. Cụ thể, doanh thu thuần Công ty đạt được trong năm 2020 là 867,26 tỷ đồng, tương ứng với 114,39% so với năm 2019 và hoàn thành 96,36% kế hoạch đặt ra. Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 90,69 tỷ đồng, vượt 20% so với kế hoạch và tăng 16,19% so với cùng kỳ năm trước nhờ Công ty hoàn thành một số công trình lớn đồng thời mảng bán hàng tiếp tục được hoàn thiện, các khoản chi phí được kiểm soát chặt chẽ. Bên cạnh đó, sự tăng trưởng của hai Công ty con là Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng (LBM) và Công ty CP đầu tư và Xây dựng 40 (L40) trong mảng Khai thác khoáng sản, VLXD, và xây dựng công trình thủy lợi cũng góp phần vào sự tăng trưởng của doanh thu năm.

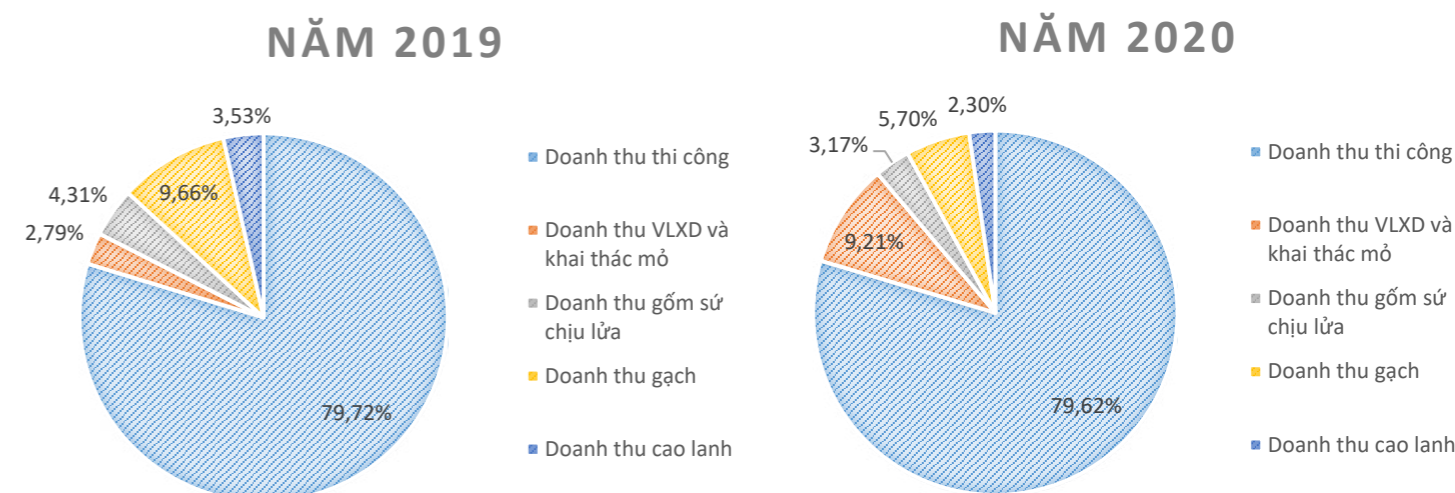


Cơ cấu doanh thu hợp nhất

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Doanh thu thi công	604,38	79,72%	690,48	79,62%
2	Doanh thu VLXD và khai thác mỏ	21,16	2,79%	79,84	9,21%
3	Doanh thu gốm sứ chịu lửa	32,67	4,31%	27,5	3,17%
4	Doanh thu gạch	73,20	9,66%	49,47	5,70%
5	Doanh thu cao lanh	26,73	3,53%	19,96	2,30%
Tổng cộng		758,14	100%	867,25	100,00%

Chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng cơ cấu doanh thu của Công ty năm 2020 tiếp tục là mảng doanh thu thi công với giá trị đạt 690,48 tỷ đồng, chiếm 79,62% do đây là mảng hoạt động kinh doanh chính của Công ty qua nhiều năm. Các hoạt động kinh doanh khác đều không có sự thay đổi đáng kể ngoại trừ doanh thu VLXD và khai thác mỏ tăng từ 2,79% năm 2019 lên 9,21% năm 2020. Ngược lại, doanh thu gạch của Công ty giảm từ 9,66% năm 2019 xuống 5,70% năm 2020, nhưng do tỷ trọng đóng góp nhỏ nên sự sụt giảm này không ảnh hưởng nhiều đến kết quả kinh doanh của LHC. Nhìn chung cơ cấu doanh thu của LHC năm 2020 không có sự biến động quá nhiều so với năm 2019.



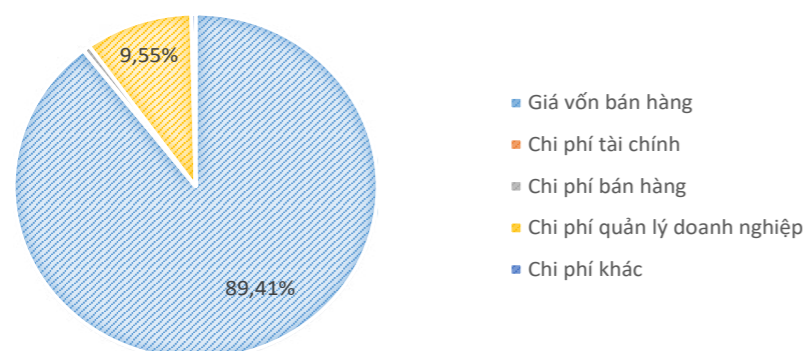
Cơ cấu chi phí hợp nhất

ĐVT: Tỷ đồng

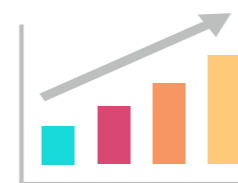
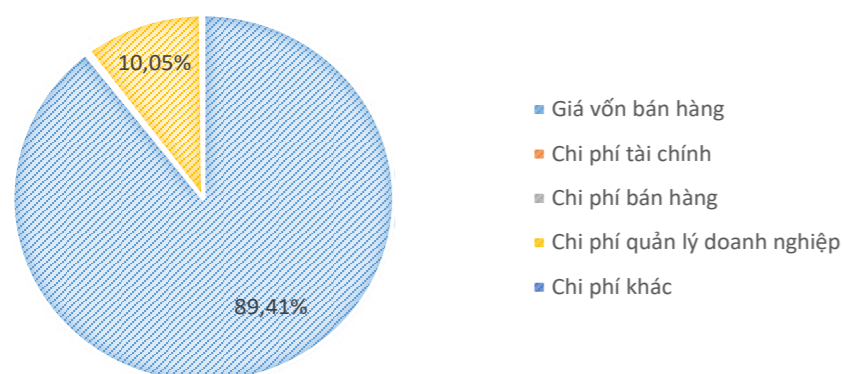
STT	Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Giá vốn bán hàng	607,38	89,41%	680,74	89,41%
2	Chi phí tài chính	0,41	0,06%	0,28	0,04%
3	Chi phí bán hàng	4,08	0,60%	2,34	0,31%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	64,85	9,55%	76,52	10,05%
5	Chi phí khác	2,59	0,38%	1,5	0,20%
Tổng cộng		679,31	100%	761,38	100,00%

Trong cơ cấu chi phí hợp nhất, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao nhất với 89,41%, đạt 680,74 tỷ đồng năm 2020 và tăng hơn 10% so với năm 2019. Nguyên nhân của sự thay đổi này do doanh thu ghi nhận trong năm nay cao hơn năm trước nên giá vốn hàng bán cũng tăng theo. Theo sau lần lượt là chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác lần lượt chiếm 0,04%, 0,31%, 10,05% và 0,20%. Ngoài giá vốn hàng bán thì chi phí quản lý doanh nghiệp cũng khá cao; trong đó, chi phí nhân viên quản lý có tỷ trọng lớn nhất, ghi nhận 45,50 tỷ đồng, chiếm 59,46% trong chi phí quản lý doanh nghiệp. Tổng thể, tỷ trọng của các khoản mục cơ cấu chi phí năm 2020 vẫn duy trì tương đối ổn định so với năm 2019.

NĂM 2019



NĂM 2020



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT	536.000	7,44%
2	Ông Hầu Văn Tuấn	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Kế toán trưởng	106.000	1,47%
3	Ông Bùi Trung Trực	Thành viên HĐQT	34.800	0,48%
4	Ông Mai Nam Dương	Thành viên HĐQT	72.000	1%
5	Ông Lê Văn Quý	Thành viên HĐQT	45.800	0,64%

Lý lịch thành viên HĐQT

Ông Lê Đình Hiến
Chủ tịch HĐQT

Năm sinh : 07/04/1964
Nơi sinh : Thái Bình
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư thủy lợi

Ông Hầu Văn Tuấn
Thành viên HĐQT kiêm
Kế toán trưởng

Năm sinh : 05/05/1966
Nơi sinh : Thừa Thiên Huế
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh

Ông Bùi Trung Trực
Thành viên HĐQT

Năm sinh : 11/11/1955
Nơi sinh : Quảng Ngãi
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ thuật viên

Ông Mai Nam Dương
Thành viên HĐQT

Năm sinh : 08/05/1953
Nơi sinh : Thái Bình
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư thủy lợi; Chuyên viên cao cấp

Ông Lê Văn Quý
Thành viên HĐQT kiêm
Tổng Giám đốc

Năm sinh : 24/03/1976
Nơi sinh : Nam Định
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư thủy lợi



Danh sách Ban Tổng Giám đốc

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc	45.800	0,64%
2	Ông Kim Ngọc Đăng	Phó Tổng Giám đốc	33.000	0,46%
3	Ông Hầu Văn Tuấn	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Kế toán trưởng	106.000	1,47%

Danh sách Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Nguyễn Thị Liên	Trưởng ban kiểm soát	51.200	0,71%
2	Ông Phạm Thị Tâm	Kiểm soát viên	14.000	0,19%
3	Ông Tô Văn An	Kiểm soát viên	44.000	0,61%

Lý lịch Ban Tổng Giám đốc

Lê Văn Quý
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Xem lý lịch của Hội đồng quản trị trang 30

Hầu Văn Tuấn
Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
Xem lý lịch của Hội đồng quản trị trang 30

Kim Ngọc Đăng
Phó Tổng Giám đốc
Năm sinh : 15/01/1962
Nơi sinh : Hà Tây
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư thủy lợi

Lý lịch Ban kiểm soát

Nguyễn Thị Liên
Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh : 13/05/1972
Nơi sinh : Bắc Giang
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân chuyên ngành Tài chính – Kế toán

Tô Văn An
Kiểm soát viên

Năm sinh : 16/03/1954
Nơi sinh : Hải Phòng
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Trung cấp nghiệp vụ

Phạm Thị Tâm
Kiểm soát viên

Năm sinh : 04/11/1984
Nơi sinh : Hải Dương
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế Chuyên ngành kế toán

Danh sách thay đổi thành viên Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Lê Đình Hiến	Tổng Giám đốc	-	1/7/2020
2	Ông Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc	1/7/2020	-

Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
I	Theo trình độ	58	100%
1	Trình độ đại học, trên đại học	16	27,60%
2	Cao đẳng	-	-
3	CNKT	39	67,20%
4	Lao động phổ thông	3	5,20%
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	58	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	58	100%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	-	-
3	Hợp đồng theo thời vụ	-	-
III	Theo giới tính	58	100%
1	Nam	53	91,40%
2	Nữ	5	8,60%

Số lượng cán bộ công nhân viên

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tổng số lượng người lao động (người)	72	63	65	
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.200.000	7.600.000	8.100.000	

Chính sách nhân sự

Về đào tạo

Đào tạo nguồn nhân lực là một trong những ưu tiên hàng đầu trong chính sách nhân sự của LHC. Với mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ giỏi về chuyên môn, chuẩn mực trong đạo đức, và tâm huyết với công việc. Đối với cán bộ, công nhân tại các công trường, Công ty chủ yếu đào tạo tại chỗ, hoặc cử đi đào tạo vận hành công nghệ mới, đào tạo nâng cao tay nghề tại các trường dạy nghề. Đối với các cấp quản lý, tùy theo tính chất công việc sẽ được cử đi tham gia các lớp tập huấn, các hội thảo, hay các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành.

Về lương, thưởng, phúc lợi

Công ty thực hiện chế độ lương, thưởng, phúc lợi phù hợp đảm bảo mức thu nhập tương đối cao cho người lao động và các chế độ theo quy định của Nhà nước. Thu nhập bình quân của CB-NV tăng liên tục trong những năm qua, thể hiện sự cam kết của Công ty để hỗ trợ người lao động và giữ chân hiền tài. Bên cạnh đó, Công ty còn có các chính sách trả lương dựa trên mức độ đóng góp của nhân viên, thưởng thêm cho các cá nhân có thành tích nổi trội, có ý tưởng đột phá trong quá trình vận hành doanh nghiệp.

Môi trường công việc

Công ty luôn đảm bảo đảm bảo một môi trường công việc chuyên nghiệp dành cho cán bộ công nhân viên. Trong đó, đảm bảo quy trình làm việc rõ ràng, cung cấp đầy đủ trang thiết bị cần thiết cho nhân viên, môi trường làm việc thân thiện và cạnh tranh lành mạnh.





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Tình hình đầu tư vào Công ty con

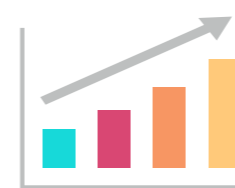
Thủ tục sáp nhập Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 (L40) vào Công ty mẹ hiện đang trong quá trình thực hiện sau khi L40 được chấp thuận đăng ký niêm yết ngày 21/12/2020 trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội và công văn số 02/HĐQT ngày 14/01/2021 của Công ty về việc đăng ký ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu.

Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường trong quý 3 năm 2021 để bàn phương án sáp nhập giữa Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng và Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 hoặc chia thưởng cổ phiếu.



Tình hình đầu tư, mua sắm máy móc, thiết bị

STT	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Giá trị (đồng)
I	Máy móc, thiết bị, xưởng sản xuất			5.278.268.162
1	Xe tải ben Hyundai 49C 22044 (15 tấn)	Cái	01	1.602.681.818
2	Xe tải ben Hyundai 49C 22096 (15 tấn)	Cái	01	1.602.681.818
3	Đầm tĩnh MICHIGAN	Chiếc	01	213.636.364
4	Đầm tĩnh MICHIGAN	Chiếc	01	213.636.364
5	Xe Mercedes-benz	Chiếc	01	1.645.631.818
Trong đó: Nguồn vốn đầu tư				
Vốn khấu hao cơ bản của Công ty				5.278.268.162
Vốn thanh lý TSCĐ				-



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

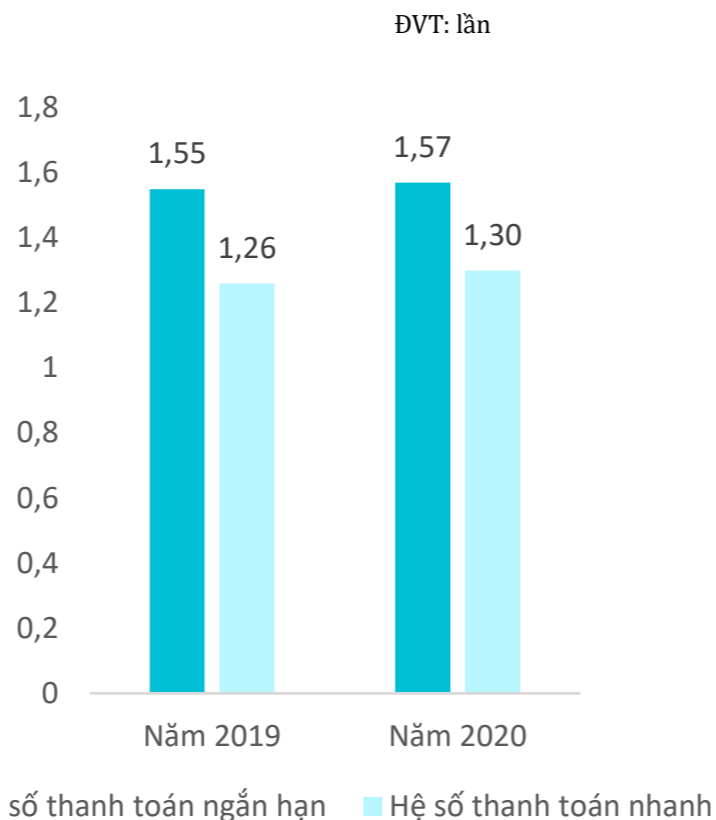
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,55	1,57
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,26	1,30
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	34,57%	35,28%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	52,84%	54,50%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	10,93	10,25
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,27	1,26
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (biên lợi nhuận ròng)	%	10,30%	10,46%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	19,96%	20,32%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	13,12%	13,22%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	10,94%	12,67%

Chỉ tiêu Khả năng thanh toán.

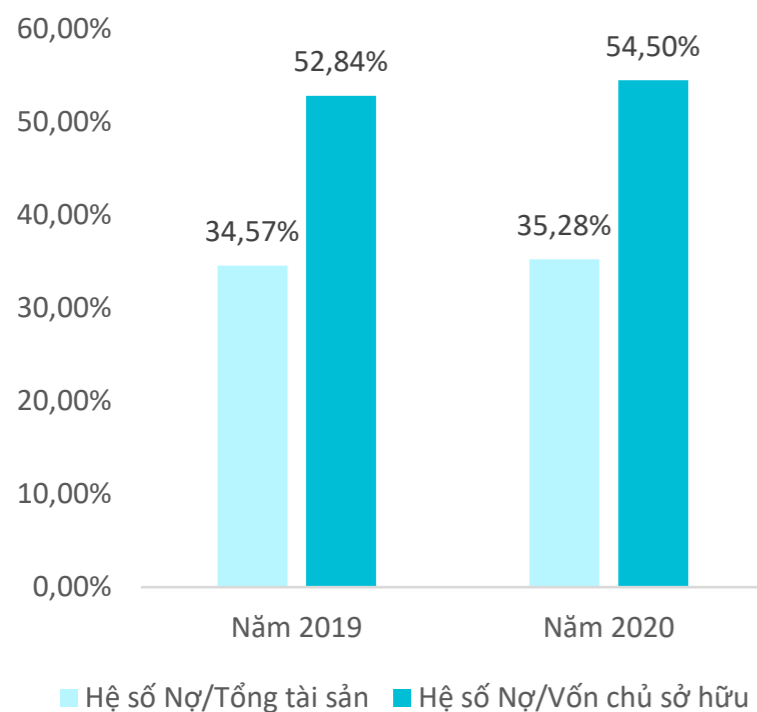
Các hệ số thanh toán của Công ty đều tăng trong năm 2020. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ mức 1,55 lần năm 2019 lên mức 1,57 lần năm 2020. Hệ số thanh toán nhanh năm 2020 đạt 1,30 lần, tăng so với mức 1,26 lần năm trước.

Nguyên nhân của sự cải thiện các hệ số thanh toán trên do tài sản ngắn hạn của Công ty tăng nhiều hơn so với các khoản nợ ngắn hạn trong năm 2020 (19,08% so với 15,84%). Cụ thể, tiền và các khoản tương đương tiền tăng 36,92 tỷ đồng so với năm 2019 do LHC gia tăng các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 3,4% đến 4,3%/năm nhằm bổ sung vốn lưu động cho doanh nghiệp. Ngoài ra, các khoản phải thu ngắn hạn năm 2020 của Công ty cũng tăng 18,42 tỷ đồng; hàng tồn kho tăng 5,15 tỷ đồng.



■ Hệ số thanh toán ngắn hạn ■ Hệ số thanh toán nhanh

ĐVT: %



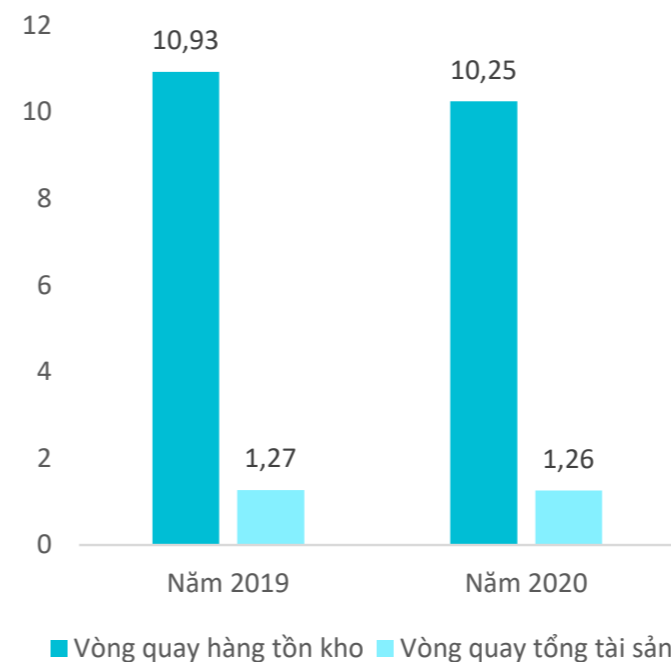
■ Hệ số Nợ/Tổng tài sản ■ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Sự an toàn trong nguồn vốn hoạt động luôn được ban lãnh đạo chú trọng. Do vậy, các chỉ số về cơ cấu vốn của Công ty luôn duy trì ở mức thấp. Cụ thể, nợ trên tổng tài sản và nợ trên vốn chủ sở hữu năm 2020 lần lượt là 35,28% và 54,50%, đều tăng nhẹ so với năm 2019.

Trong những năm qua, ban lãnh đạo LHC luôn duy trì nợ vay ở mức thấp và sử dụng chính tiềm lực tài chính của Công ty để hạn chế chi phí lãi vay, đảm bảo tỷ lệ đòn bẩy trên mức an toàn. Đây chính là một trong số ít lợi thế mà Công ty có được so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.

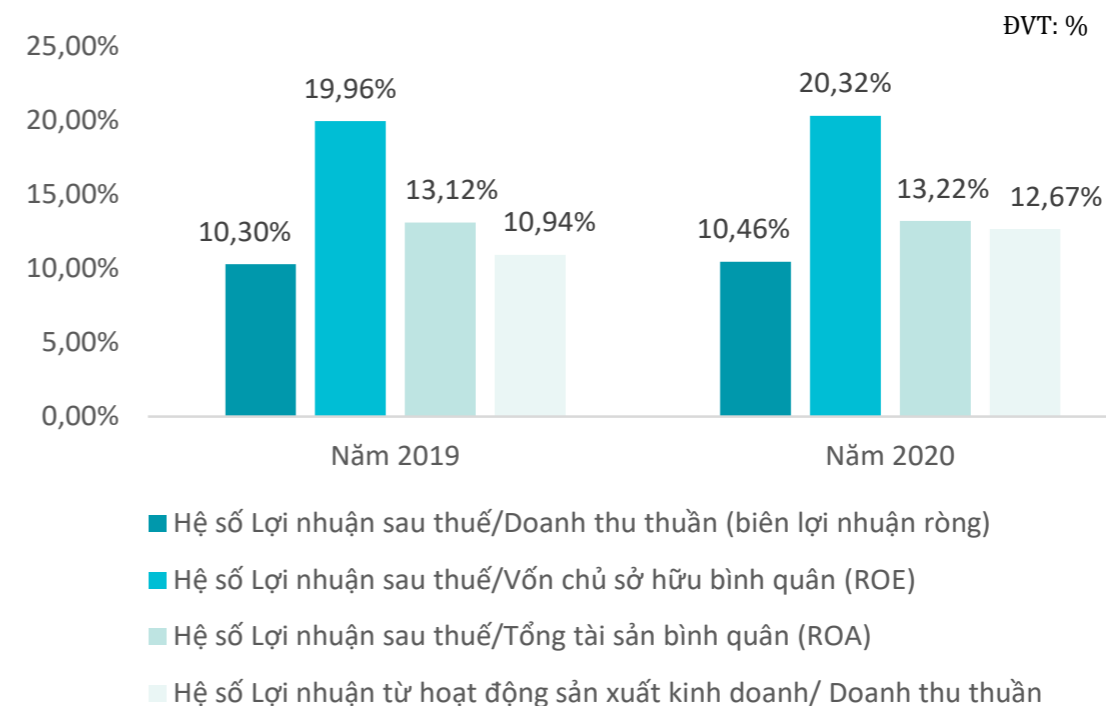
ĐVT: vòng

**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**

Các chỉ số về năng lực hoạt động của Công ty đều không có sự thay đổi đáng kể so với năm 2019. Trong năm 2020, vòng quay hàng tồn kho của Công ty là 10,25 vòng, giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước do Công ty đã chi tiền để mua thêm nguyên vật liệu sản xuất nên sản lượng hàng tồn kho trung bình năm 2020 cao hơn năm 2019. Ngoài ra, hệ số vòng quay tổng tài sản cũng có sự sụt giảm nhẹ khi từ 1,27 vòng năm 2019 xuống 1,26 vòng năm 2020.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời của LHC năm 2020 không có sự biến động quá lớn so với năm 2019. Doanh thu trong năm tăng nên lợi nhuận sau thuế doanh nghiệp cũng tăng tương đương, dẫn đến các chỉ số biên lợi nhuận gộp, ROA, ROE tăng so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, chỉ số biên lợi nhuận ròng tăng 10,30% lên 10,54%; chỉ số ROE tăng từ 19,96% lên 20,32%; chỉ số ROA tăng từ 13,12% lên 13,22%. Những sự thay đổi trên thể hiện LHC cùng các Công ty con đã có một năm làm việc hiệu quả mặc dù gặp không ít khó khăn và thách thức, đặc biệt là trong hoàn cảnh dịch Covid-19 diễn biến vô cùng phức tạp.

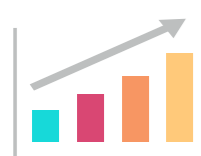


■ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (biên lợi nhuận ròng)

■ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)

■ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)

■ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



Thông tin cổ phiếu

Vốn điều lệ: 72.000.000 đồng

Tổng số cổ phiếu đã phát hành:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 7.200.000
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông (tính đến ngày 31/12/2020)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
I	Cổ đông trong nước	213	5.629.634	78,19%
1	Cá nhân	211	5.629.586	78,19%
2	Tổ chức	2	48	0%
II	Cổ đông nước ngoài	25	1.570.366	21,81%
1	Cá nhân	19	1.103.866	15,33%
2	Tổ chức	6	466.500	6,48%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	Tổng cộng	238	7.200.000	100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có





3| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2020

Tình hình tài chính

Những cải tiến trong năm

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Những khó khăn, thuận lợi trong năm 2020

Thuận lợi

- Ban lãnh đạo Công ty không ngừng tìm kiếm việc làm, đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo và nâng cao nghiệp vụ trong công tác chuyên môn; mở các lớp tập huấn cho cán bộ, công nhân lao động về công tác quản lý; khai thác công trình thủy lợi;
- Hoạt động chính của LHC là thi công xây dựng công trình, nhưng các hoạt động sản xuất kinh doanh khác như kinh doanh VLXD và khai thác mỏ, doanh thu gạch đều mang lại lợi nhuận cao qua các năm, đóng góp tỷ trọng cao trong tổng doanh thu của Công ty. Điều này giúp LHC không bị lệ thuộc vào một mảng kinh doanh duy nhất khi có nhiều mảng hoạt động liên quan mang đến nguồn lợi nhuận ổn định;
- Đội ngũ CB-NV có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao, ứng dụng khoa học kỹ thuật giỏi, đoàn kết, kỷ luật, đảm bảo vận hành Công ty một cách ổn định;
- Công ty luôn được trang bị thiết bị máy móc hiện đại, giảm thiểu được chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao năng suất lao động, từ đó tăng thị phần của Công ty trong lịch vực thi công xây dựng khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ;
- Công ty xây dựng mối quan hệ tích cực với các ban lãnh đạo, ban ngành địa phương, chủ đầu tư các công trình xây dựng,

Khó khăn

- Trong 3 năm qua thời tiết diễn biến phức tạp, nắng nóng kéo dài, mưa lũ thất thường. Ảnh hưởng của thời tiết sẽ là trở ngại rất lớn đối với ngành thi công thủy lợi, tiến độ thi công bắt buộc bị trì hoãn trong mùa mưa bão;
- Ảnh hưởng của dịch Covid-19 trong năm 2020 gây ra hậu quả nghiêm trọng tới mọi hoạt động của Công ty; các dự án công trình bị gián đoạn và tiến độ thi công bị kéo dài hơn so với kế hoạch dự kiến;
- Cạnh tranh trong lĩnh vực xây dựng các công trình thủy lợi ngày càng khốc liệt. Do đó, dự án sáp nhập giữa LHC và L40 sắp tới sẽ giúp Công ty mở rộng dự án để mang lại lợi nhuận cao cho Công ty và các cổ đông.
- Công tác giải phóng mặt bằng để triển khai các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh đã và đang gặp không ít khó khăn do quy trình thủ tục pháp lý của công tác thu hồi đất không thực hiện chặt chẽ dẫn đến chậm tiến độ thi công.



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2020

STT	Chi tiêu	KH 2020	TH 2020	% thực hiện so với kế hoạch
1	Doanh thu thuần	900	867,26	96,36%
2	Lợi nhuận sau thuế	75	90,69	120,92%
3	Cổ tức	30-50%	40%	-



- Doanh thu thuần : **867,26** tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : **90,69** tỷ đồng

Đại dịch Covid-19 xuất hiện từ đầu năm 2020 đã tác động trực tiếp tới ngành xây dựng nói chung và LHC nói riêng. Nhiều công trình xây dựng giảm tiến độ thi công để đảm bảo quy định an toàn theo yêu cầu của Chính phủ. Ngoài ra giá nguyên vật liệu tăng cao trong cuối năm 2020 sẽ làm giảm lợi nhuận và tăng rủi ro cho các doanh nghiệp xây dựng trong thời gian tới. Khó khăn chồng chất khó khăn, nhưng ban lãnh đạo Công ty vẫn tiếp tục duy trì chiến lược phát triển ổn định dựa trên tình hình dịch bệnh và thực hiện nhiều chính sách nhằm mang đến kết quả kinh doanh tốt nhất cho Công ty, mang lại lợi ích tối đa cho cổ đông.

Bên cạnh đó, Ban Tổng giám đốc Công ty đã phân tích và đánh giá khách quan tình hình kinh tế, xã hội và khả năng thích ứng của LHC để đưa ra những kế hoạch kinh doanh trong năm. Ban lãnh đạo cũng thường xuyên theo dõi và kiểm soát các công tác thực hiện, chỉ đạo giải quyết kịp thời để sử dụng tối đa năng lực doanh nghiệp và hạn chế thấp nhất các tác động tiêu cực. Bên cạnh tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, xu thế biến động khó lường của giá nguyên vật liệu xây dựng và cạnh tranh gay gắt cả trong và ngoài nước đã khiến cơ cấu chi phí tăng cao, thị phần Công ty có khả năng giảm sút. Tổng kết năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh của LHC đạt 867,26 tỷ doanh thu, đạt 96,36% so với kế hoạch năm và lợi nhuận sau thuế đạt 90,69 tỷ đồng, đạt 120,92% kế hoạch năm



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	%tăng/giảm
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	220,67	253,56	14,90%
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	6,01	5,21	-13,31%
Tổng nợ phải trả	Tỷ đồng	226,68	258,77	14,16%

Tổng nợ phải trả của Công ty trong năm 2020 ở mức 258,26 tỷ đồng, tăng 17,54% so với năm 2019 chủ yếu đến từ sự gia tăng giá trị nợ ngắn hạn. Do cơ cấu nợ của LHC chủ yếu là nợ ngắn hạn (chiếm hơn 99% tổng nợ phải trả) nên nợ ngắn hạn biến động sẽ khiến tổng nợ biến động. Cụ thể, nợ ngắn hạn của LHC năm 2020 đạt 257,26 tỷ đồng, tăng 17,53% so với 2019 do Công ty ghi nhận các khoản nợ phải trả do mua nguyên vật liệu xây dựng và nợ phải trả người lao động cũng tăng khoảng 30 tỷ đồng, tương đương tăng 17,27%. Ngược lại, khoản nợ dài hạn lại giảm còn 0,98 tỷ đồng, tương đương giảm 44,94% so với năm 2019 do LHC trả hết các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn tại thời điểm cuối năm 2020.

Tình hình tài sản hợp nhất

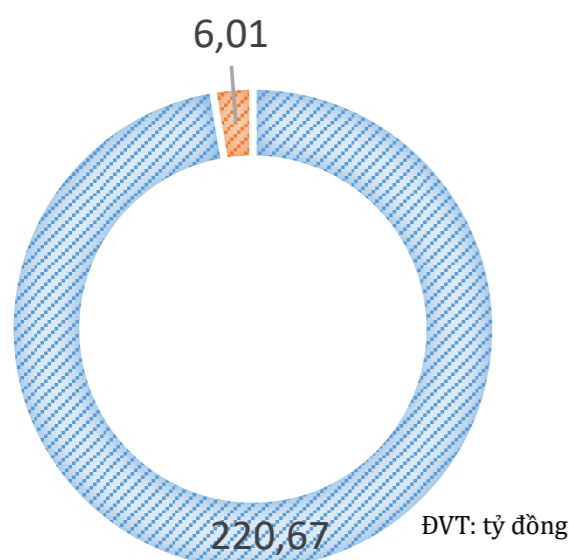
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	333,75	397,42	19,08%
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	304,54	336,13	10,37%
Tổng tài sản	Tỷ đồng	638,29	733,55	14,92%

Tính đến cuối năm 2020, tổng tài sản của Công ty ghi nhận 732,48 tỷ đồng, tăng 14,76% so với năm 2019. Trong đó, tài sản ngắn hạn đạt 397,19 tỷ đồng, tăng 19,01% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do Công ty gia tăng các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thêm gần 40 tỷ đồng nhằm tăng thu nhập từ lãi tiền gửi. Ngoài ra khoản phải thu ngắn hạn cũng có sự thay đổi đáng kể khi tăng 12% so với năm 2019 do Công ty gia tăng các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn, ghi nhận 59 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2020.

Tài sản dài hạn của Công ty phần lớn tập trung tại khoản mục tài sản cố định khi chiếm tỷ trọng khoảng 90% giá trị tài sản. Trong năm 2020, tài sản dài hạn của Công ty đạt 335,29 tỷ đồng, tăng 10,10% so với năm 2019 do Công ty đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và truyền dẫn để phục vụ kế hoạch kinh doanh và sản xuất, dẫn đến tài sản cố định tăng. Bên cạnh đó, Công ty trong năm cũng hoàn thành xây dựng các văn phòng đưa vào hạch toán tài sản hữu hình góp phần làm tăng tài sản dài hạn.

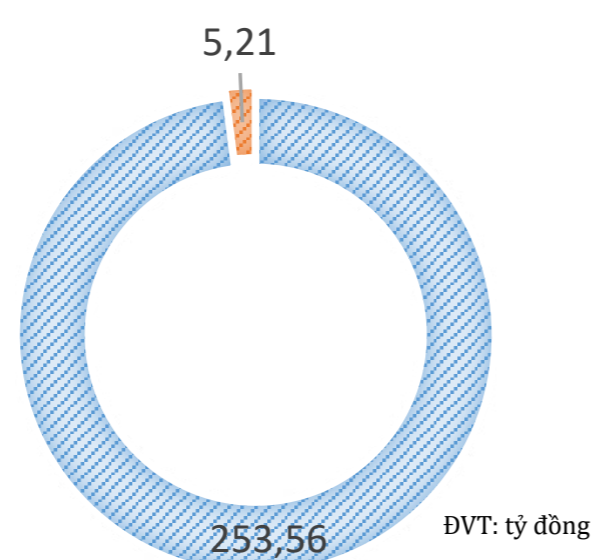
NĂM 2019

■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn



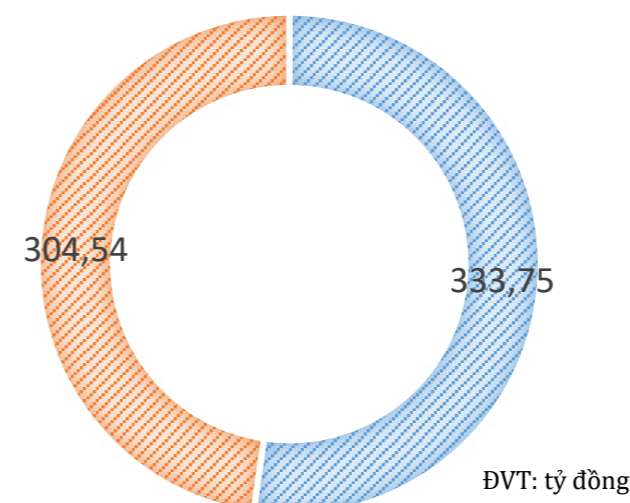
NĂM 2020

■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn



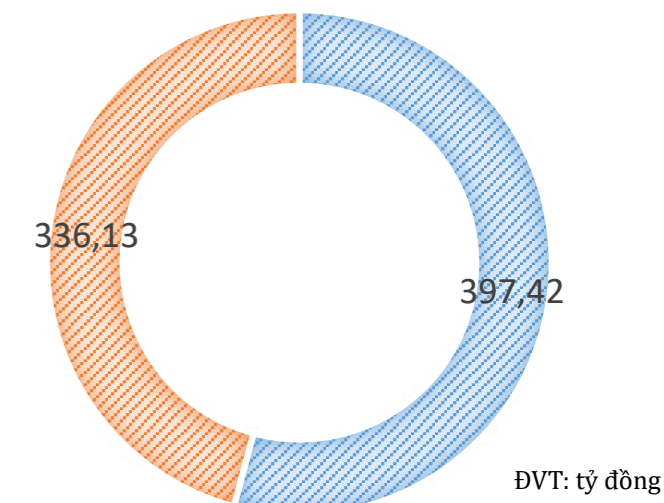
NĂM 2019

■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn



NĂM 2020

■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn





NHỮNG CẢI TIẾN TRONG NĂM



Công tác phối hợp

Quy trình xây dựng phòng ban được thiết lập một cách chặt chẽ, có tính liên kết và linh động trong việc hỗ trợ vận hành giữa các tổ chức nội bộ. Phối hợp, hợp tác lẫn nhau nhằm thực hiện các nhiệm vụ cụ thể diễn ra trong suốt quá trình quản lý, xây dựng kế hoạch dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành.

Ban lãnh đạo tạo mối quan hệ lành mạnh với các cơ quan chính quyền, chức năng địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi công các công trình trong khu vực, đảm bảo lợi ích, quyền lợi giữa các bên.

Ngoài ra, Công ty còn hợp định kỳ hằng năm nhằm đánh giá tình hình thực hiện Quy chế tổ chức giữa các phòng ban, cùng đề ra những biện pháp làm tốt hơn trong việc tổ chức phối hợp trao đổi thông tin, rà soát, bổ sung làm mới Quy chế.

Công tác tài chính

Ban lãnh đạo tích cực hợp tác trong việc tạo dựng tài sản, việc làm và cân bằng tài chính của Công ty. LHC có hệ thống phân bổ ngân sách công khai, kinh phí đầu tư được dự toán và phân bổ đúng trọng tâm, trọng điểm. Duy trì đòn bẩy tài chính hợp lý, quản trị dòng tiền hiệu quả, và tạo ra doanh thu ổn định. Ngoài ra, Công ty còn yêu cầu CB-NV thực hiện quản lý về chi tiêu nội bộ nhằm đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí trong quá trình sử dụng kinh phí để vận hành Công ty và thực hiện các dự án.

Công tác quản trị

Ban lãnh đạo LHC luôn tuân thủ chuẩn mực và nguyên tắc đã được đề ra trong Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty. Xây dựng cơ chế quản trị công ty theo chiều hướng tích cực, công bố thông tin minh bạch, chính xác, đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư hiện hữu và các bên liên quan. HĐQT có ý thức trách nhiệm trong việc duy trì định hướng chiến lược của Công ty, giám sát Ban Tổng Giám đốc trong công tác điều hành vì quyền lợi tối cao của các cổ đông.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Căn cứ tốc độ phát triển của thị trường nội địa và năng lực sản xuất của Công ty cũng như dự báo về diễn biến sắp tới của nền kinh tế trong và ngoài nước, Ban điều hành xây dựng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh hợp nhất trong năm 2021 như sau

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	KH 2021	TH 2020	KH 2021/TH2020
1	Tổng doanh thu	900	867,26	103,78%
2	Lợi nhuận sau thuế	80	90,69	88,21%
3	Tỉ lệ chi trả cổ tức	30-50%	40%	-

Kế hoạch dài hạn

Để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh chính vào Thành phố Hồ Chí Minh, vùng phụ cận và miền tây Nam bộ, định hướng của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng sẽ sáp nhập với Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 nhằm tăng nguồn vốn chủ sở hữu, tăng quy mô, kinh nghiệm, và hoạt động sản xuất kinh doanh. Trụ sở chính của Công ty sau sáp nhập sẽ được đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trụ sở Chi nhánh Công ty sẽ được di chuyển về thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

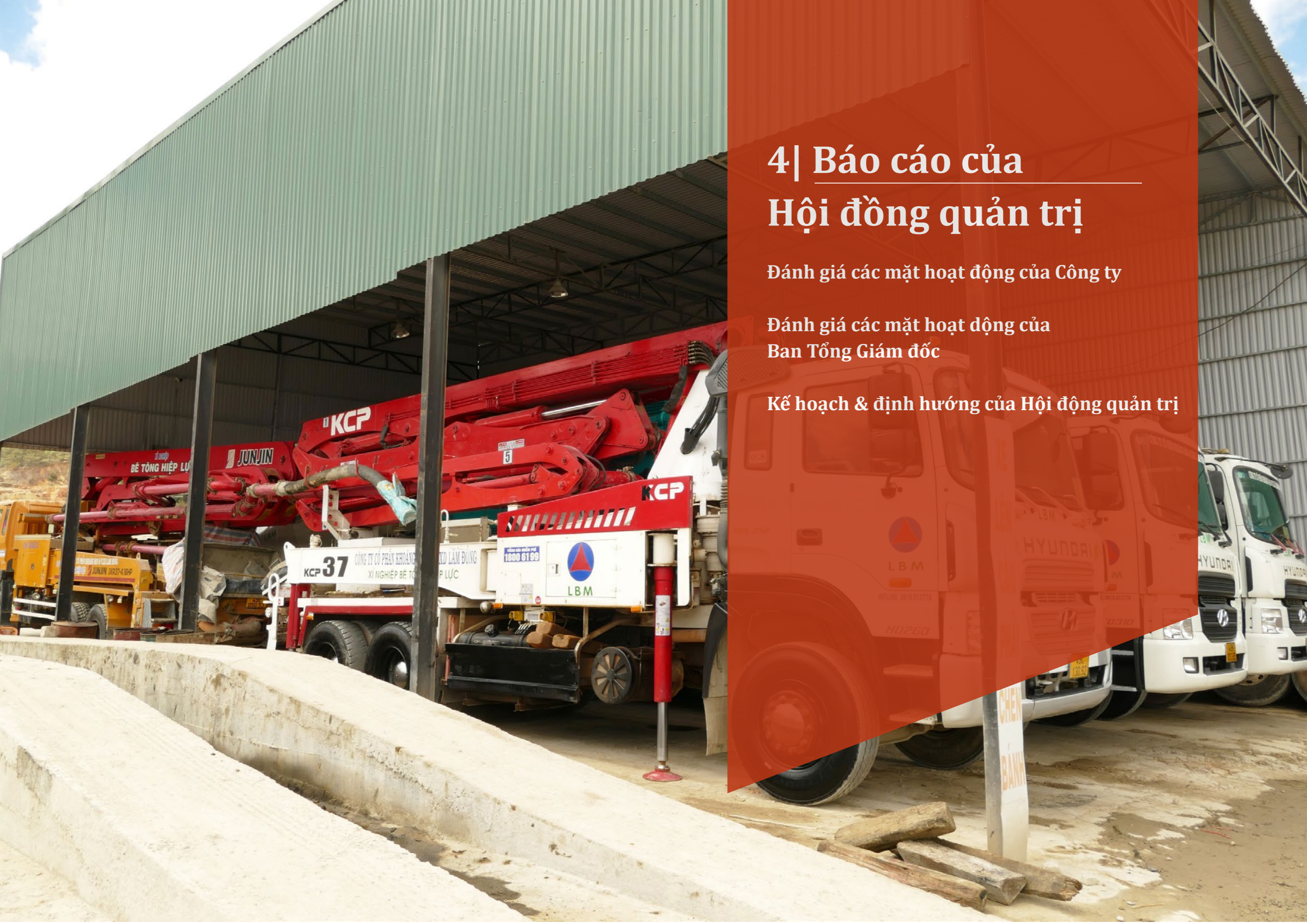


4| Báo cáo của Hội đồng quản trị

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá các mặt hoạt động của
Ban Tổng Giám đốc

Kế hoạch & định hướng của Hội đồng quản trị





ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trải qua một năm 2020 đầy khó khăn và thử thách, ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể CB-CNV đã cố gắng hết mình để giúp LHC đạt được những mục tiêu, nhiệm vụ, và các chỉ tiêu kinh tế mà ĐHĐCĐ đề ra. Các hoạt động trong năm được trình bày cụ thể như sau:

Về hoạt động sản xuất kinh doanh:

Doanh thu thuần đạt 867,26 tỷ đồng, hoàn thành 96,36% kế hoạch đề ra.

Lợi nhuận sau thuế đạt 90,69 tỷ đồng, hoàn thành 120,92% kế hoạch đề ra.

Về hoạt động chi trả cổ tức:

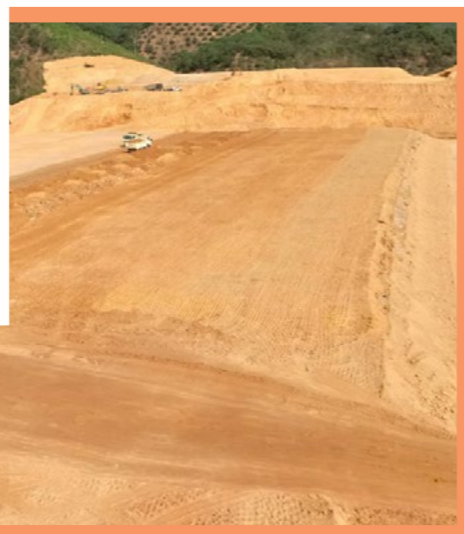
Thực hiện chi trả cổ tức tỉ lệ 40%.

Về hoạt động đầu tư máy móc, thiết bị, dây chuyền hiện đại:

Trong năm thực hiện chi mua sắm máy móc thiết bị trị giá ... tỷ đồng. Thiết bị đầu tư hợp lý, hiện đại, chất lượng tốt đảm bảo cho việc phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt chất lượng cao, kịp tiến độ.

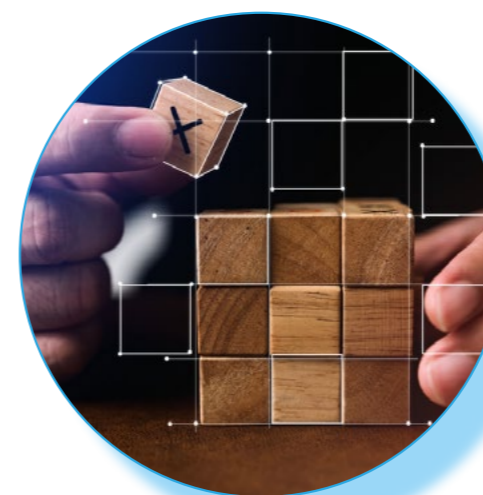
Về hoạt động đầu tư, xây dựng các công trình:

Hoàn thành và bàn giao cho chủ đầu tư đúng tiến độ; thực hiện và tìm kiếm các dự án mới cho năm 2020



ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Ban Tổng giám đốc trong năm tiếp tục điều hành tốt sản xuất kinh doanh, tăng cường chỉ đạo thu hồi công nợ, tìm kiếm công trình cho những năm tiếp theo.
- HDQT thường xuyên thực hiện công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban, các công trường trực thuộc công ty, triển khai thực hiện theo đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội đồng quản trị, đảm bảo hài hòa quyền lợi của cổ đông và người lao động trong công ty.
- Các cuộc họp Hội đồng quản trị đều có mời Ban Tổng Giám đốc tham dự để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và kịp thời chỉ đạo, nhận xét.
- Ban Tổng Giám đốc đã luôn chấp hành pháp luật của Nhà nước, thực hiện đúng các quy chế, quy định cũng như Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.
- Trải qua một năm khó khăn và thử thách, Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo tập trung mọi nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông đề ra.





KẾ HOẠCH & ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Thực hiện theo đúng luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định về quản trị doanh nghiệp trong điều hành và các hoạt động của Công ty.
- Tập trung cao độ cho công tác đấu thầu, lập kế hoạch và phân công hợp lý. Tập trung nguồn lực để thi công nhằm đạt và vượt mục tiêu đề ra.
- Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và dịch vụ, áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến để tăng khả năng cạnh tranh.
- Đảm bảo hoàn thành và bàn giao các công trình đã cam kết với chủ đầu tư. Tiếp tục giải quyết dứt điểm công tác quyết toán các công trình còn tồn đọng.
- Tăng cường kỷ cương tài chính, quản lý chặt chẽ các khoản thu chi. Đồng thời có biện pháp tích cực để thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi. Tổ chức điều hành quản lý chi theo hướng, minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả. Thực hiện cắt giảm các khoản chi không cần thiết.

STT	Lĩnh vực hoạt động	KH 2021	TH2020	% KH2021/TH2020
1	Doanh thu thuần	900	867,26	103,78%
2	Lợi nhuận sau thuế	80	90,69	88,21%
3	Tỷ lệ chi trả cổ tức	30 -50%	40%	-



BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG & CỘNG ĐỒNG



Tiêu thụ nước

STT	Loại hoạt động	Tổng năng lượng nước sử dụng 2020
1	Dùng phục vụ sản xuất	165.000 m ³
2	Dùng sinh hoạt	16.500 m ³
Tổng cộng		181.500 m ³

Việc sử dụng nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt được theo dõi và kiểm soát, đảm bảo không gây lãng phí. Xây dựng các chính sách trong đó đề cao công tác tiết kiệm nước, tăng cường thi đua tiết kiệm nước giữa các phòng ban và khuyến khích nhân viên tham gia các hoạt động tuyên truyền sử dụng hiệu quả nguồn nước tại đơn vị và địa phương.



Tiêu thụ năng lượng

STT	Năng lượng sử dụng phân loại theo từng phần	Tổng giá trị sử dụng năm 2020	ĐVT
1	Loại năng lượng - điện	110.000	Kwh
2	Loại năng lượng - xăng	18.700	Lít
3	Loại năng lượng - dầu DO	1.100.000	Lít

Công ty luôn ý thức và trách nhiệm trong công tác tiết kiệm năng lượng tiêu thụ nhằm bảo vệ môi trường. Đối với các hoạt động thường ngày, Công ty luôn chọn các thiết bị tiết kiệm năng lượng và tắt hết tất cả các thiết bị khi không sử dụng... Đối với hoạt động thi công xây dựng Công ty luôn đặt ra định mức tiêu thụ cho các dự án và thực hiện khen thưởng cho các dự án tiết kiệm hơn mức đề ra. Nhờ đó, Công ty giảm được đáng kể lượng nhiên liệu tiêu thụ, góp phần tiết kiệm chi phí và bảo vệ môi trường. Công ty cũng tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường do chính quyền các cấp tổ chức.



Chính sách liên quan đến người lao động

Chính sách phúc lợi

Công ty có chính sách bảo hiểm sức khỏe toàn diện để chăm lo sức khỏe của nhân viên, đảm bảo sức khỏe của doanh nghiệp mình. Hằng năm Công ty luôn tổ chức các buổi khám sức khỏe định kỳ, hỗ trợ cho những hoàn cảnh khó khăn, thăm hỏi gia đình có người bị ốm, thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm y tế, chế độ đối với người lao động sinh con hoặc chăm con nhỏ. Bên cạnh đó là các phúc lợi về khen thưởng căn cứ vào kết quả lao động, sản xuất, kinh doanh hằng năm của doanh nghiệp cũng như mức độ hoàn thành công việc của người lao động mà người lao động sẽ được tương thưởng xứng đáng thông qua các cuộc họp sơ kết, tổng kết cuối năm của Công ty.

Chính sách tuyển dụng

Chính sách tuyển dụng của LHC với mục đích đưa nguồn nhân lực trở thành một ưu thế cạnh tranh của Công ty, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp để giữ người giỏi, thu hút nhân tài, tạo điều kiện cho tất cả cán

bộ nhân viên được làm việc tốt nhất, được phát triển nghề nghiệp và gắn bó lâu dài. Hằng năm, căn cứ vào nhu cầu công việc, kế hoạch hoạt động, các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn mà Công ty có kế hoạch tuyển dụng. Nguyên tắc tuyển dụng: Công khai – Công bằng – Bình đẳng dành mọi đối tượng phù hợp. Chính sách tuyển dụng của Công ty ưu tiên tuyển dụng người có kinh nghiệm, năng lực, được đào tạo chuyên môn bài bản, phù hợp để làm việc lâu dài tại Công ty.

Chính sách đào tạo

Đối với nhân sự mới, ban lãnh đạo chủ trương đào tạo văn hóa doanh nghiệp, sứ mệnh, giá trị, cốt lõi, quy trình, quy định làm việc tại Công ty. Ngoài ra còn đào tạo thêm về kỹ năng công việc, nghiệp vụ chuyên môn cho nhân viên mới ra trường, nhân viên có kinh nghiệm nhưng thiếu kỹ năng. Đối với nhân sự cũ, Công ty có các chương trình đào tạo dành cho những cá nhân xuất sắc, có nhiều cống hiến cho doanh nghiệp và tập thể như lớp đào tạo cán bộ quản lý, quy trình đào tạo nhân sự nội bộ hoặc gửi đi tham gia các khóa học quản trị cấp cao tại UBCKNN. Tạo điều kiện nâng cao trình độ và tạo cơ hội cho người lao động có thể đảm nhận những vị trí quan trọng hơn.



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm 2020, Công ty không vi phạm pháp luật và các quy định về môi trường. Công ty đã nghiêm túc thực hiện và tuân thủ pháp luật về việc bảo vệ môi trường.

Ngoài mục tiêu chính của công ty là tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, LHC luôn đặt ra mục tiêu phát triển kinh tế song song với việc thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng, môi trường và xã hội. Trong quá trình thi công xây dựng luôn tuân theo các quy định hiện hành nhằm giảm thiểu tối đa tác hại tới môi trường. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức và bảo vệ môi trường cho toàn thể CBCNV trong Công ty. Kế hoạch và hành động của Công ty được đặt ra là: bảo vệ môi trường bền vững; sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, tránh lãng phí; giảm tác động tiêu cực đối với môi trường qua việc sử dụng tiết kiệm điện – nước; tích cực trồng cây xanh cải thiện môi trường sống cũng như môi trường làm việc.




Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương

Trách nhiệm với xã hội, cộng đồng địa phương là nghĩa vụ ban lãnh đạo LHC cam kết tạo ra lợi ích bền vững mang tính lâu dài cho cộng đồng địa phương thông qua việc tuân thủ chuẩn mực về bảo vệ môi trường, ban hành các chính sách hướng về cộng đồng, xây dựng cầu đường, và hỗ trợ các cá nhân có hoàn cảnh đặc biệt.

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển của LHC không thể thiếu sự hỗ trợ, hợp tác, giúp đỡ của Chính quyền và người dân địa phương. Vì vậy ý thức bảo vệ môi trường, duy trì cảnh quan xanh-sạch-đẹp, và tạo công ăn việc làm cho cho nhân dân địa phương, đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng tại các khu vực tỉnh Lâm Đồng là những tiêu chí hàng đầu của LHC bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả.

Với tư cách là một nhân tố không thể tách rời của hệ thống kinh tế - xã hội, doanh nghiệp luôn tìm cách hài hòa lợi ích của các bên liên đới và đòi hỏi, mong muốn của xã hội. Trách nhiệm với cộng đồng chính là một chính sách nhất quán xuyên suốt trải qua theo quá trình hình thành lịch sử của Công ty. Do đó, ban lãnh đạo LHC sẽ tiếp tục đồng hành cùng những dự án cộng đồng, xã hội, tạo ra việc làm cũng như những sản phẩm có giá trị cao để phục vụ tốt hơn nhu cầu của xã hội và địa phương.



6| Báo cáo của Hội đồng quản trị

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá các mặt hoạt động của
Ban Tổng Giám đốc

Kế hoạch & định hướng của Hội đồng quản trị

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT	6/6	100%
2	Ông Hầu Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	6/6	100%
3	Ông Lê Văn Quý	Thành viên HĐQT	6/6	100%
4	Ông Mai Nam Dương	Thành viên HĐQT	6/6	100%
5	Ông Bùi Trung Trực	Thành viên HĐQT	6/6	100%

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

Năm 2020, HĐQT đã tiến hành 6 cuộc họp để giải quyết các vấn đề thuộc về chức năng, quyền hạn của HĐQT. Đối với các cuộc họp có tính chất đặc biệt quan trọng và cần có sự trao đổi của bộ phận điều hành, HĐQT đều mời Ban Tổng Giám đốc tham dự họp để cho ý kiến, đồng thời truyền đạt ý kiến chỉ đạo cho Ban Tổng Giám đốc để giải quyết vấn đề nhanh chóng.

Hoạt động giám sát của HĐQT với Ban Tổng Giám đốc

Với tư cách là đại diện cho ĐHĐCĐ trong công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trong năm 2020, HĐQT Công ty đã tập trung chỉ đạo thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo mục tiêu đã được ĐHĐCĐ thông qua; đồng thời thực hiện

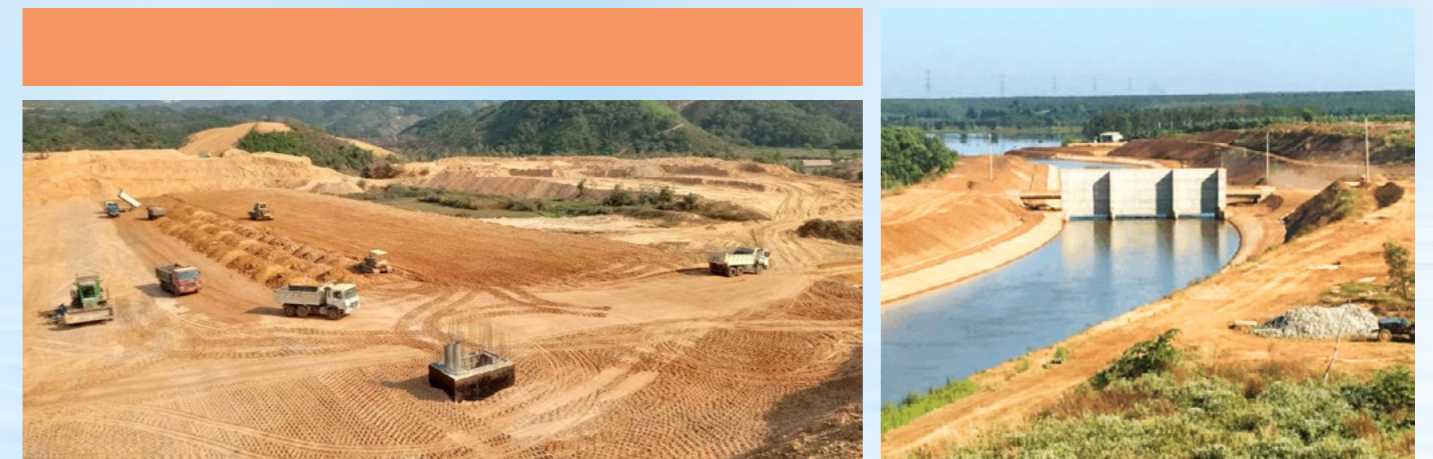
tốt các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và Nghị quyết của HĐQT, đảm bảo hiệu quả trong công tác quản lý, duy trì việc giám sát chặt chẽ công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Các Quyết định/Nghị quyết trong năm 2020

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số: 01-2020/ NQ/HĐQT	30/01/2020	<p>Điều I: HĐQT thống nhất với tỷ lệ 5/5 về việc thông qua báo cáo quyết toán tài chính quý 4 và lũy kế năm 2019 của riêng Công ty mẹ và quyết toán tài chính quý 4 và lũy kế năm 2019 hợp nhất như đã lập.</p> <p>Điều II: HĐQT thống nhất với tỷ lệ 5/5 triệu tập ĐHĐCĐ thường niên lần thứ 20 năm 2020 và thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2019 bằng tiền mặt với nội dung như sau:</p> <p>2.1- Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền: 21/03/2020.</p> <p>2.2- Tỷ lệ thanh toán cổ tức đợt 2: 20% cổ phần (mỗi cổ phần nhận được 2.000 đồng).</p> <p>2.3- Ngày thanh toán cổ tức: Ngày 29/04/2020.</p> <p>2.4- Ngày tổ chức ĐHĐCĐ: Ngày 26/04/2020.</p> <p>Điều III: Các Ông (bà) Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các Phòng ban trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành nghị quyết này.</p>
2	Số: 02-2020/ NQ/HĐQT	12/2/2020	<p>Điều 1: Điều chỉnh ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên lần thứ 20 năm 2020 và thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2019: Ngày 20/3/2020.</p> <p>Điều 2: Các Ông (bà) thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, và các Phòng ban trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p>

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
3	Số: 03-2020/ NQ/HĐQT	6/4/2020	<p>Điều 1: HĐQT thống nhất thông qua một số nội dung chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên lần thứ 20 năm 2020:</p> <p>1.1-Báo cáo công tác quản trị Công ty năm 2019 của HĐQT trước ĐHĐCĐ.</p> <p>1.2-Thông qua dự thảo Chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội để trình ĐHĐCĐ.</p> <p>1.3 - Thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 để trình ĐHĐCĐ</p> <p>1.4 - Thống nhất nội dung các Tờ trình khác để trình ĐHĐCĐ</p> <p>Điều 3: Các Ông (bà) thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, và các Phòng ban trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p>
4	Số: 04/NQ/HĐQT	15/05/2020	<p>Điều 1: Lấy ý kiến cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng bằng văn bản để thông qua các nội dung chính như sau:</p> <p>-Ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông lấy ý kiến bằng văn bản: 08/06/2020.</p> <p>-Thời gian tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: dự kiến tháng 06/2020.</p> <p>-Địa điểm lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: Trụ sở chính Công ty, số 87 Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.</p> <p>-Nội dung lấy ý kiến: Thông qua việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2020.</p> <p>Điều 2: Tờ trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.</p> <p>Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Trưởng phòng/đơn vị trực thuộc Công ty có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết này.</p>

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
5	Số: 05/NQ/HĐQT	30/06/2020	<p>Điều 1: Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ ngày 26/04/2020. HĐQT thống nhất ông Lê Đình Hiến – Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, đại diện pháp luật thôi kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc từ ngày 01/07/2020.</p> <p>Điều 2: HĐQT thống nhất bổ nhiệm Ông Lê Văn Quý hiện giữ chức vụ: Phó Tổng Giám đốc, đại diện pháp luật Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng giữ chức vụ Tổng Giám đốc, đại diện pháp luật Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng.</p> <p>Thời gian: Kể từ ngày 01/07/2020 cho đến khi có Quyết định khác của HĐQT.</p> <p>+Ông Lê Văn Quý có nhiệm vụ nhận bàn giao các công việc từ ông Lê Đình Hiến và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc tổ chức và triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ Công ty.</p> <p>+Ông Lê Văn Quý được hưởng mức thu nhập: 40.000.000 đồng/tháng; mức lương tham gia BHXH: Bạc 1/5, hệ số lương 3.17, hệ số phụ cấp 0.3, mức lương 13.602.400 đ theo hệ thống thang bảng lương Công ty ban hành ngày 01/01/2020.</p> <p>+Tiền thưởng: (nếu có) và do HĐQT quyết định hằng năm.</p> <p>Điều 3: Thay đổi chức danh của ông Lê Văn Quý trên giấy phép đăng ký kinh doanh.</p> <p>Điều 4: Thừa ủy quyền của ĐHĐCĐ ngày 26/04/2020, HĐQT thống nhất lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam là Công ty kiểm toán và soát xét BCTC năm 2020.</p> <p>Điều 5: Các Ông (bà) thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, và các Phòng ban trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p>



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
6	Số 06/NQ/HĐQT	3/7/2020	<p>Điều 1: HĐQT đã xem xét các hồ sơ chuẩn bị cho việc phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Sau khi thảo luận, HĐQT đã nhất trí ban hành Nghị quyết thông qua nội dung hồ sơ phát hành như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; - Quyết định của ĐHCĐ thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu; - Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 được kiểm toán, Báo cáo tài chính riêng năm 2019 được kiểm toán; Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1/2020; Báo cáo tài chính riêng quý 1/2020. - Và các văn bản tài liệu có liên quan khác thuộc hồ sơ xin phép phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu nộp Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước. <p>Điều 2: HĐQT giao Tổng giám đốc Công ty triển khai thực hiện phương án phát hành, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành các thủ tục nộp Hồ sơ xin phép phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu đến UBCK Nhà nước và Giải trình các vấn đề liên quan (khi có yêu cầu); - Chuẩn bị và định HĐQT phê duyệt các hồ sơ liên quan đến việc Đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt nam (VSD) và Niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) sau khi việc phát hành được UBCK Nhà Nước chấp thuận; - Tiến hành các thủ tục Công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật; - Phối hợp với đơn vị Tư vấn - CTCP Chứng khoán FPT - CN TPHCM để thực hiện các công việc có liên quan theo đúng các quy định của Công ty và Pháp luật. <p>Điều 3: Các Ông, Bà thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p> <p>Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.</p>

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
7	Số 07/NQ/HĐQT	30/10/2020	<p>Điều 1: HĐQT thống nhất với tỷ lệ 5/5 về việc thông qua Báo cáo tài chính quý 3 năm 2020 và lũy kế 9 tháng năm 2020 của riêng Công ty mẹ và hợp nhất như đã lập.</p> <p>Điều 2: HĐQT thống nhất với tỷ lệ về việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020 bằng tiền mặt với nội dung cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> 2.1- Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền: 19/11/2020 2.2- Tỷ lệ tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020: 15%/cổ phiếu (một cổ phiếu được nhận 1.500 đồng) 2.3- Ngày thanh toán: Ngày 04/12/2020. <p>Điều 3: Các Ông, Bà thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng ban trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p>

Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

HĐQT chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT mà chỉ phân công các thành viên HĐQT phụ trách từng lĩnh vực.

BAN KIỂM SOÁT

Các Cuộc họp của Ban Kiểm soát

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã tổ chức 01 cuộc họp với đầy đủ các thành viên tham gia để tổng kết kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đã thực hiện trong kỳ, lập kế hoạch làm việc cho kỳ tiếp theo. Cụ thể:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thị Liên	Trưởng BKS	2/2	100%
2	Bà Phạm Thị Tâm	Kiểm soát viên	2/2	100%
3	Ông Tô Văn An	Kiểm soát viên	2/2	100%

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã triển khai việc thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ tổ chức trong quá trình hoạt động của Công ty.

Ban kiểm soát đã lập ra kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, đã tiến hành kiểm tra, kiểm soát các vấn đề được cho là cần thiết, cụ thể:

- Xem xét tình hình phù hợp các Quyết định của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác vận hành quản lý, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và điều lệ hoạt động của Công ty.
- Tham dự các cuộc họp của HĐQT; soát xét, kiểm tra các văn bản của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc công bố trong quá trình hoạt động của Công ty để đảm bảo thực hiện được mục tiêu, nhiệm vụ đã được thông qua trong kì họp ĐHĐCĐ.
- Giám sát việc công bố thông tin định kỳ, thông tin bất thường một cách kịp thời và kiểm chứng tính xác định thực của các thông tin công bố tới các cổ đông Công ty.
- Kiểm soát việc tuân thủ Điều lệ và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Định kỳ xem xét báo cáo tài chính quý, bán niên, năm của các công ty góp vốn để giám sát nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.
- Cập nhật các quy định của pháp luật và gửi ý kiến đề nghị tới HĐQT, Ban Tổng Giám đốc để sửa đổi các quy định trong công ty nhằm tuân thủ theo các quy định của pháp luật kịp thời.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Ban kiểm soát đã phối hợp tích cực với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác, trao đổi, thảo luận về các biện pháp mang tính xây dựng giúp nâng cao khả năng quản lý doanh nghiệp, đáp ứng các mục tiêu kinh doanh của Công ty.
- Các nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát đều được gửi đến Ban kiểm soát cùng một thời điểm và phương thức như đối với thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc công ty.
- HĐQT, Ban Tổng Giám đốc luôn tạo mọi điều kiện cần thiết cho Ban kiểm soát tham gia các cuộc họp, tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty để Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Khi Ban kiểm soát gửi báo cáo đến ĐHĐCĐ thì cũng đồng thời gửi cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc.





Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Chức vụ	Họ và tên	Lương	Thưởng
1	Hội đồng quản trị			
	Chủ tịch	Lê Đình Hiến	880.000.000	61.100.000
	Thành viên	Hầu Văn Tuấn	72.000.000	
	Thành viên	Bùi Trung Trực	60.000.000	
	Thành viên	Mai Nam Dương	60.000.000	
	Thành viên	Lê Văn Quý	60.000.000	
2	Ban kiểm soát			
	Trưởng Ban	Nguyễn Thị Liên	60.000.000	
	Thành viên	Phạm Thị Tâm	24.000.000	
	Thành viên	Tô Văn An	24.000.000	
3	Ban điều hành			
	Tổng Giám đốc	Lê Văn Quý	446.000.000	24.502.000
	Phó Tổng Giám đốc	Kim Ngọc Đăng	324.000.000	24.502.000
	Kế toán trưởng	Hầu Văn Tuấn	344.000.000	24.502.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

không có



Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Quản trị công ty được Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (LHC) xem là một yếu tố then chốt để đẩy mạnh kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, phát triển kinh tế cũng như tăng cường lòng tin của nhà đầu tư. Trong đó, hệ thống quản trị công ty cần được xây dựng dựa trên khuôn khổ pháp lý, cơ chế quản lý doanh nghiệp, và tính minh bạch trong hoạt động. Để đạt được mục tiêu đề ra trong quy chế quản trị công ty, Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm người phụ trách điều hành công ty theo Nghị quyết số 05 NQ-HĐQT ngày 30/06/2020 giúp Hội đồng quản trị nâng cao hiệu quả quản trị công ty theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

Năm 2020, LHC tiếp tục hướng tới việc nâng cao năng lực quản trị công ty cũng như giá trị nội tại của doanh nghiệp, hoàn thiện và tăng cường hoạt động của các bộ

phận trong cấu trúc nội bộ để đảm bảo lợi ích chung cho cổ đông của LHC thực hiện quyền của mình như: quyền nhận cổ tức, quyền tiếp cận thông tin của Công ty, hay quyền được tham dự, biểu quyết tại các cuộc họp ĐHĐCĐ. Các hoạt động nêu trên sẽ đóng vai trò thiết yếu trong việc góp phần phát triển đạo đức và văn hóa nghề nghiệp, là nền móng cho doanh nghiệp vận hành tốt trong thời điểm hiện tại và tiếp diễn đến tương lai.

Bên cạnh đó, LHC vẫn chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực và quản trị Công ty. Trong năm 2020, các thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng cùng các cấp lãnh đạo trực thuộc các phòng ban được tạo điều kiện tham gia các chương trình đào tạo ngắn hạn thuộc lĩnh vực liên quan nhằm đáp ứng được chuyên môn cũng như cập nhật kiến thức mới. Đây sẽ là nền tảng quan trọng, góp phần nâng cao năng lực quản trị công ty.

7| Báo cáo của Hội đồng quản trị

Ý kiến của kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020



RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026
F +8428 3827 5027

www.rsm.global/vietnam

Số: 398/2021/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2021 từ trang 05 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

KT TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0425-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2021

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

Lê Võ Thùy Linh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
3525-2021-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		397.423.318.912	333.754.306.707
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	148.330.806.947	111.406.493.389
1. Tiền	111		40.792.726.391	76.530.880.026
2. Các khoản tương đương tiền	112		107.538.080.556	34.875.613.363
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	668.285.881
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	668.285.881
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		175.911.577.421	157.487.754.271
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	126.534.696.109	139.949.693.144
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	59.733.212.465	22.722.259.899
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		134.580.000	2.678.280.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	12.476.840.578	14.443.814.103
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(22.967.751.731)	(22.306.292.875)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	68.971.122.954	63.823.446.898
1. Hàng tồn kho	141		70.521.927.823	65.374.251.767
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.550.804.869)	(1.550.804.869)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.209.811.590	368.326.268
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	17.273.186
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.14	3.127.523.598	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	1.082.287.992	351.053.082
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		336.127.139.967	304.543.246.571
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.647.811.256	1.355.084.861
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	1.647.811.256	1.355.084.861
II. Tài sản cố định	220		303.644.763.492	269.307.043.027
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	275.834.707.996	244.575.046.845
Nguyên giá	222		671.579.288.710	595.545.824.087
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(395.744.580.714)	(350.970.777.242)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	27.810.055.496	24.731.996.182
Nguyên giá	228		32.453.542.599	29.102.750.799
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.643.487.103)	(4.370.754.617)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.591.052.605	4.701.519.922
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.7	6.591.052.605	4.701.519.922
IV. Tài sản dài hạn khác	260		24.243.512.614	29.179.598.761
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	22.512.267.149	24.434.822.270
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.19	1.224.706.168	1.544.767.170
3. Lợi thế thương mại	269	4.11	506.539.297	3.200.009.321
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		733.550.458.879	638.297.553.278

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		258.772.074.687	220.672.000.645
I. Nợ ngắn hạn	310		253.563.478.953	214.666.065.451
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	89.255.104.073	58.147.181.295
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	106.050.318.914	101.513.363.644
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	10.690.670.058	11.091.002.584
4. Phải trả người lao động	314		19.084.646.382	17.628.502.768
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	9.076.083.041	2.756.627.474
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	4.152.538.149	4.415.111.798
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	1.055.000.000	1.271.300.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.18	12.642.133.022	16.542.657.240
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.556.985.314	1.300.318.648
II. Nợ dài hạn	330		5.208.595.734	6.005.935.194
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.16	4.222.095.734	4.222.095.734
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.17	-	797.339.460
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	4.18	986.500.000	986.500.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		474.778.384.192	417.625.552.633
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.20	474.778.384.192	417.625.552.633
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		72.000.000.000	36.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		72.000.000.000	36.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.052.708.180	21.052.708.180
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		154.643.934.596	151.532.562.283
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		56.515.995.544	49.983.444.103
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		3.757.605.720	5.827.265.194
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		52.758.389.824	44.156.178.909
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		170.565.745.872	159.056.838.067
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		733.550.458.879	638.297.553.278



Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2021

Hầu Văn Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Dũng
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	867.260.334.762	758.141.009.690
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		372.329.091	573.373.566
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		866.888.005.671	757.567.636.124
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	680.742.465.288	607.375.522.393
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		186.145.540.383	150.192.113.731
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	2.808.581.778	2.026.855.663
7. Chi phí tài chính	22	5.4	283.722.051	414.861.082
Trong đó, chi phí lãi vay	23		99.165.342	299.413.544
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	2.338.852.150	4.083.832.401
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	76.523.434.172	64.854.326.717
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		109.808.113.788	82.865.949.194
11. Thu nhập khác	31	5.7	2.336.951.937	18.619.621.492
12. Chi phí khác	32		1.495.821.134	2.592.732.244
13. Lợi nhuận khác	40		841.130.803	16.026.889.248
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		110.649.244.591	98.892.838.442
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	19.641.187.351	21.184.950.585
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.10	320.061.002	(339.856.653)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		90.687.996.238	78.047.744.510
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		61.419.563.282	51.356.178.909
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		29.268.432.956	26.691.565.601
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.18.4	8.476	7.097
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.18.4	8.476	7.097



Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2021

Hầu Văn Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Dũng
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		110.649.244.591	98.892.838.442
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.8	57.364.694.928	50.487.546.318
Các khoản dự phòng	03		(3.239.065.362)	7.161.060.993
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(5.878.553)	9.871.843
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.622.516.135)	(15.534.355.854)
Chi phí lãi vay	06	5.4	99.165.342	299.413.544
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh	08		161.245.644.811	141.316.375.286
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(22.750.340.966)	746.612.855
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.147.676.056)	(16.504.068.628)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		39.763.226.761	54.297.431.341
Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.939.828.307	(1.121.564.315)
Tiền lãi vay đã trả	14		(99.165.342)	(299.413.544)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.14	(20.799.130.184)	(20.738.067.371)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(201.904.682)	(3.051.806.061)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		153.950.482.649	154.645.499.563
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(90.687.451.816)	(116.070.795.333)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.965.454.544	9.451.022.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(6.633.700.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.211.985.881	5.555.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(4.155.900.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.587.001.425	1.834.074.011
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(87.078.909.966)	(105.864.398.595)

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	672.887.200
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.2	4.150.340.000	43.588.272.622
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.3	(5.163.979.460)	(43.992.570.662)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.20.1	(28.920.693.333)	(22.334.985.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(29.934.332.793)	(22.066.395.840)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ				
(50 = 20+30+40)	50		36.937.239.890	26.714.705.128
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		111.406.493.389	84.666.050.428
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(12.926.332)	25.737.833
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ				
(70 = 50+60+61)	70	4.1	148.330.806.947	111.406.493.389



Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc
Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2021

Hầu Văn Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Dũng
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 82/2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 06 năm 2000 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Lâm Đồng, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059247 ngày 27 tháng 07 năm 2000, và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 5800000424 ngày 17 tháng 09 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp để tăng vốn điều lệ.

Ngày 13 tháng 10 năm 2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 04/GCN-SGDHN ngày 07 tháng 01 năm 2010 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 72.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào các công ty con như được trình bày tại mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/12/2020 là 709 (31/12/2019 là: 840).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thi công xây dựng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Thi công các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp, thoát nước. Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông;
- Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng;
- Phun vữa xi măng, bê tông các công trình, khoan phụt vữa, dung dịch các loại;
- Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh khách sạn.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

1.5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Để khắc phục hậu quả nặng nề từ đại dịch toàn cầu Covid-19, Nhà nước thực hiện chính sách kích cầu nền kinh tế bằng cách đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công. Tập đoàn chủ yếu thi công các công trình có vốn Nhà nước nên tiến độ quyết toán các công trình này cũng được đẩy nhanh trong năm 2020. Điều này dẫn đến doanh thu mảng xây dựng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 của Tập đoàn khả quan hơn so với năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**1.6. Các công ty con được hợp nhất****Các công ty con trực tiếp:**

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ Phần Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	64,90%	64,90%
2.	Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng 40	201/58 Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. HCM	51,00%	51,00%

Các công ty con gián tiếp:

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.	100,00%	64,90%
2.	Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Thôn Hiệp Thành, Xã Tam Bồ, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng.	91,72%	59,52%
3.	Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắc Nông	Thôn 12, Xã Nhân Cơ, Huyện Đắc R'Lấp, Tỉnh Đắc Nông.	100,00%	64,90%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**2.5. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Tập đoàn chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con

Các thay đổi về tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con không đưa đến việc mất kiểm soát của Tập đoàn được hạch toán là giao dịch về vốn. Giá trị ghi sổ của Tập đoàn và lợi ích của cổ đông không kiểm soát được điều chỉnh để phản ánh sự thay đổi về tỷ lệ sở hữu tương ứng trong công ty con đó. Chênh lệch do điều chỉnh lợi ích của cổ đông không kiểm soát và giá trị hợp lý của khoản thanh toán được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**3.1. Ngoại tệ**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của các ngân hàng có giao dịch sau:
 - + Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam;
 - + Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam;
 - + Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**3.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3.4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

3.5. Nợ phải thu**Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6. Hàng tồn kho**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	02 – 16 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 – 12 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
▪ Cây lâu năm và tài sản khác	03 – 07 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế được chi tiết tại các vị trí như sau:

- Tại 87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng: Đã trích khấu hao hết.
- Tại Xí nghiệp Hiệp Tiến: Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.
- Tại Xí nghiệp Thạnh Mỹ: Quyền sử dụng đất có thời hạn 12 năm và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất.
- Tại Xí nghiệp Hiệp Lực: Quyền sử dụng đất có thời hạn và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất.
- Tại 251-251A Đường Ung Văn Khiêm, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh: Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.9. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan chi phí đền bù, cấp quyền khai thác mỏ, giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,.... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 1 năm đến 2 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- Chi phí đền bù, phí cấp quyền khai thác mỏ được phân bổ theo thời gian giấy phép khai thác mỏ từ 04 đến 21 năm;
- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê.

3.11. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Thời gian phân bổ lợi thế thương mại không quá 10 năm, bắt đầu kể từ ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con theo nguyên tắc: Việc phân bổ phải thực hiện dần đều qua các năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ ngay số lợi thế thương mại bị tổn thất trong kỳ phát sinh.

3.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.13. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

3.14. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.15. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**3.16. Nguồn vốn chủ sở hữu****Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.17. Doanh thu và thu nhập khác**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày tại mục 3.18 dưới đây.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**3.18. Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.20. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.21. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.22. Thuế**Thuế thu nhập doanh nghiệp****Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Xuất khẩu: 0%
- Trong nước: 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

3.23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.24. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.25. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**3.26. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	1.084.248.826	1.716.828.376
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	39.708.477.565	74.814.051.650
Các khoản tương đương tiền	107.538.080.556	34.875.613.363
Cộng	148.330.806.947	111.406.493.389

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 3,4% đến 4,3%/năm.

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
TT QLDA & TVXD Công trình NN&PTNT Bình Thuận	8.150.050.821	8.150.050.821
TT QLĐT& Khai thác Thủy lợi 2 (Sở NN& PTNN LĐ)	9.447.041.494	2.632.189.205
Ban quản lý Dự án 2 Tỉnh Sóc Trăng	6.033.864.000	-
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Bạch Việt	8.802.563.055	8.802.563.055
Công ty TNHH Xây Dựng Đông Nam	4.646.937.948	4.646.937.948
Ban Quản lý Dự án ngành NN và PT Nông thôn tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	5.188.085.188	7.567.645.117
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thuận Lợi	3.810.941.318	7.195.640.945
Các khách hàng khác	80.455.212.285	100.954.666.053
Cộng	126.534.696.109	139.949.693.144

Tại ngày 31/12/2020, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu khách hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	VND		VND	
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 8	10.579.000.000		-	
Trả trước cho người bán:				
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	10.650.426.800		-	
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Phúc Thuận Phát	4.728.396.000		-	
Nguyễn Viết Lương	7.924.576.799		7.924.576.799	
Trần Thị Tĩnh	4.200.000.000		-	
Các nhà cung cấp khác	21.650.812.866		14.797.683.100	
Cộng	59.733.212.465		22.722.259.899	

Tại ngày 31/12/2020, trả trước các nhà cung cấp khác có số dư mỗi khoản trả trước dưới 10% tổng số trả trước các nhà cung cấp.

4.4. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu khác là các bên liên quan – Xem thêm mục 8	4.064.599.039	-	7.067.435.839	-
Phải thu khách hàng mảng xây lắp	4.425.873.866	(4.425.873.866)	4.425.873.866	(4.425.873.866)
Phải thu người lao động	2.733.577.838	-	1.554.328.392	-
Phải thu khác	1.252.789.835	(58.132.038)	1.396.176.006	(58.132.038)
Cộng	12.476.840.578	(4.484.005.904)	14.443.814.103	(4.484.005.904)
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	1.647.811.256	-	1.355.084.861	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn	19.445.981.307	962.235.480	21.402.779.466	3.580.492.495
Tổng giá trị các khoản phải thu khác quá hạn	5.132.043.261	648.037.357	4.507.426.190	23.420.286
Cộng	24.578.024.568	1.610.272.837	25.910.205.656	3.603.912.781

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì một số khách hàng không thể liên lạc và một số khách hàng đang tranh chấp.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020			Tại ngày 01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
TT QLKT CT Công cộng Huyện Đạhẽh Công ty TNHH SX TM Dịch Vụ Bạch Việt	2.033.760.000	-	Trên 3 năm	4.107.661.525	2.073.901.525	Trên 3 năm
TM Dịch Vụ Bạch Việt	8.802.563.055	-	Trên 3 năm	8.802.563.055	-	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	13.741.701.513	1.610.272.837	Từ 6 tháng đến 3 năm	12.999.981.076	1.530.011.256	Từ 6 tháng đến 3 năm
Cộng	24.578.024.568	1.610.272.837		25.910.205.656	3.603.912.781	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	30.396.447.532	-	27.544.997.808	-
Công cụ, dụng cụ	685.303.332	-	665.602.837	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.233.135.418	-	17.819.915.636	-
Thành phẩm	14.490.377.308	(835.242.862)	14.104.555.140	(835.242.862)
Hàng hóa	5.716.664.233	(715.562.007)	5.239.180.346	(715.562.007)
Cộng	70.521.927.823	(1.550.804.869)	65.374.251.767	(1.550.804.869)

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Chi phí sửa chữa nhà 929 Cần Thơ	3.750.617.362	3.750.617.362
Dự án nhà Farm và lắp đặt tấm pin năng lượng Đắk Mil	1.614.101.091	-
Chi phí khác	1.226.334.152	950.902.560
Cộng	6.591.052.605	4.701.519.922

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON
Địa chỉ: Số 87 Phú Đông Thiên Vương, Phường 08, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.8. Táng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:							
Tại ngày 01/01/2020	94.768.822.378	317.648.930.893	181.000.923.908	1.290.127.150	520.611.939	316.407.819	595.545.824.087
Mua trong năm	29.262.384.472	31.337.666.646	28.059.321.127	402.191.182	-	220.000.000	89.281.563.427
Thanh lý, nhượng bán	-	(9.338.439.356)	(3.863.659.448)	(46.000.000)	-	-	(13.248.098.804)
Phân loại lại	-	3.789.636.362	(3.623.454.546)	(166.181.816)	-	-	-
Tại ngày 31/12/2020	124.031.206.850	343.437.794.545	201.573.131.041	1.480.136.516	520.611.939	536.407.819	671.579.288.710
Giá trị hao mòn lũy kế:							
Tại ngày 01/01/2020	46.130.101.255	218.710.441.026	84.133.551.186	1.159.664.017	520.611.939	316.407.819	350.970.777.242
Khấu hao trong năm	5.365.323.646	25.071.850.668	26.518.265.245	136.522.883	-	-	57.091.962.442
Thanh lý, nhượng bán	-	(8.996.916.346)	(3.280.774.147)	(40.468.477)	-	-	(12.318.158.970)
Phân loại lại	-	3.164.538.934	(2.999.252.835)	(165.286.099)	-	-	-
Tại ngày 31/12/2020	51.495.424.901	237.949.914.282	104.371.789.449	1.090.432.324	520.611.939	316.407.819	395.744.580.714
Giá trị còn lại:							
Tại ngày 01/01/2020	48.638.721.123	98.938.489.867	96.867.372.722	130.463.133	-	-	244.575.046.845
Tại ngày 31/12/2020	72.535.781.949	105.487.880.263	97.201.341.592	389.704.192	-	220.000.000	275.834.707.996

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 204.199.837.625 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Chi phí thâm dò hầm mỏ VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2020	25.933.491.201	2.528.795.098	640.464.500	29.102.750.799
Mua trong năm	3.350.791.800	-	-	3.350.791.800
Tại ngày 31/12/2020	29.284.283.001	2.528.795.098	640.464.500	32.453.542.599
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2020	1.321.023.123	2.528.795.098	520.936.396	4.370.754.617
Khấu hao trong năm	231.277.657	-	41.454.829	272.732.486
Tại ngày 31/12/2020	1.552.300.780	2.528.795.098	562.391.225	4.643.487.103
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2020	24.612.468.078	-	119.528.104	24.731.996.182
Tại ngày 31/12/2020	27.731.982.221	-	78.073.275	27.810.055.496

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.165.681.098 VND.

25

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.10. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản	17.584.777.233	18.853.446.272
Chi phí sử dụng đất có thời hạn	2.171.225.460	2.220.571.500
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.756.264.456	3.360.804.498
Cộng	22.512.267.149	24.434.822.270

Trong đó, chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Quyền khai thác mỏ Tam Bó	187.495.629	81.004.254
Quyền khai thác mỏ Thạnh Mỹ	-	62.701.500
Quyền khai thác mỏ Cam Ly	112.072.182	227.965.238
Quyền khai thác mỏ Lộc Tân	1.016.222.807	1.750.533.561
Quyền khai thác mỏ Nthon Hạ	821.789.182	786.233.021
Quyền khai thác mỏ Tutra	260.919.071	264.593.992
Quyền khai thác mỏ Đại Lào	15.186.278.362	15.680.414.706
Cộng	17.584.777.233	18.853.446.272

4.11. Lợi thế thương mại

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tại ngày 01/01	3.200.009.321	5.893.479.347
Đã phân bổ trong năm	(2.693.470.024)	(2.693.470.026)
Tại ngày 31/12	506.539.297	3.200.009.321

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Thủy Nguyên 2	13.879.892.000	13.879.892.000	4.747.432.000	4.747.432.000
Công ty Hòa Thành Tiến	8.342.541.145	8.342.541.145	1.679.182.800	1.679.182.800
Công ty CP Cơ Khí Xây Dựng Tháp Kim	3.415.085.776	3.415.085.776	3.415.085.776	3.415.085.776
Công ty CP Tư Vấn XD Thủy lợi 2	5.380.957.734	5.380.957.734	-	-
Công ty TNHH Gạch không nung Thiên Tự Phước	6.550.427.467	6.550.427.467	5.846.445.997	5.846.445.997
Công ty CP XL Cừu Long	3.545.865.827	3.545.865.827	3.545.865.827	3.545.865.827
Phải trả cho các đối tượng khác	48.140.334.124	48.140.334.124	38.913.168.895	38.913.168.895
Cộng	89.255.104.073	89.255.104.073	58.147.181.295	58.147.181.295

(Xem tiếp trang sau)

27

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
BQL Dự án ĐT&XD Công trình NN&PT Nông Thôn Lâm Đồng	20.480.358.525	47.424.397.525
BQL Dự án ĐTXD Ngành NN PTNT Tây Ninh	7.253.885.000	5.619.145.000
TTQLKT Công trình Công công Huyện Đam rông	5.712.482.000	5.712.482.000
Ban quản lý Dự án Nông nghiệp Long An	21.500.000.000	-
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng công trình NN và PTNT tỉnh An Giang	10.769.775.500	-
BQL Sở NN & PTNT tỉnh Bình Dương	24.312.442.686	9.078.519.000
Các khách hàng khác	16.021.375.203	33.678.820.119
Cộng	106.050.318.914	101.513.363.644

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2020		Trong năm		Tại ngày 01/01/2020	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	3.127.523.598	3.124.529.987	41.636.312.337	44.606.783.464	108.199.923	3.075.677.439
Thuế thu nhập doanh nghiệp	413.759.131	5.319.332.922	19.641.187.351	20.799.130.184	95.908.097	6.159.424.721
Thuế thu nhập cá nhân	6.537.080	1.146.578.169	3.176.943.944	2.553.975.849	122.514.662	639.587.656
Thuế tài nguyên	22.903.500	881.708.260	6.864.225.106	6.898.476.426	22.903.500	915.959.580
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	637.561.381	-	1.187.191.791	1.887.485.460	-	62.732.288
Các loại thuế khác	-	218.520.720	2.495.370.584	2.514.470.764	-	237.620.900
Các khoản phí, lệ phí	1.526.900	-	18.000.000	18.000.000	1.526.900	-
Cộng	4.209.811.590	10.690.670.058	75.019.231.113	79.278.322.147	351.053.082	11.091.002.584

(Xem tiếp trang sau)

29



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Trích trước chi phí hoàn nguyên môi trường	1.169.453.103	1.169.453.103
Trích trước giá vốn công trình xây dựng	6.015.837.702	1.068.683.640
Các khoản trích trước khác	1.890.792.236	518.490.731
Cộng	9.076.083.041	2.756.627.474

4.16. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	829.662.568	800.119.356
BHXH, BHYT, BHTN	-	121.633.138
Phải trả ngắn hạn là bên liên quan – Xem thêm mục 8	93.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.229.875.581	3.493.359.304
Cộng	4.152.538.149	4.415.111.798
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	329.650.000	329.650.000
Phải trả Công ty TNHH Hoàng Minh	2.392.445.734	2.392.445.734
Phải trả ông Bùi Trung Thu	1.500.000.000	1.500.000.000
Cộng	4.222.095.734	4.222.095.734

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.17. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020		Trong năm		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay ngắn hạn đối tượng khác	1.055.000.000	1.055.000.000	2.328.600.000	2.544.900.000	1.271.300.000	1.271.300.000
Dài hạn:						
Vay các bên liên quan	-	-	1.821.740.000	2.619.079.460	797.339.460	797.339.460
Tổng cộng	1.055.000.000	1.055.000.000	4.150.340.000	5.163.979.460	2.068.639.460	2.068.639.460

(Xem tiếp trang sau)

31

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.18. Dự phòng phải trả

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	12.642.133.022	16.542.657.240
Dài hạn:		
Chi phí sửa chữa TSCĐ định kỳ	986.500.000	986.500.000

4.19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.224.706.168	1.544.767.170

(Xem tiếp trang sau)

[Red stamp]

[Red stamp]

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.20. Vốn chủ sở hữu

4.20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn có phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND		
Tại ngày 01/01/2019	36.000.000.000	21.052.708.180	72.317.910.483	90.774.062.585	144.238.099.951	364.382.781.199	
Lãi trong năm trước	-	-	-	51.356.178.909	26.691.565.601	78.047.744.510	
Chia cổ tức	-	-	-	(10.800.000.000)	(11.534.985.000)	(22.334.985.000)	
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	79.214.651.800	(79.214.651.800)	-	-	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(255.471.274)	-	(255.471.274)	
Thay đổi từ hợp nhất kinh doanh	-	-	-	(1.876.674.317)	(337.842.485)	(2.214.516.802)	
Tại ngày 01/01/2020	36.000.000.000	21.052.708.180	151.532.562.283	49.983.444.103	159.056.838.067	417.625.552.633	
Tăng vốn trong năm (*)	36.000.000.000	-	(36.000.000.000)	-	-	-	
Lãi trong năm nay	-	-	-	61.419.563.282	29.268.432.956	90.687.996.238	
Chia cổ tức	-	-	-	(18.000.000.000)	(10.920.693.333)	(28.920.693.333)	
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	39.111.372.313	(39.111.372.313)	-	-	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(389.551.418)	(69.019.930)	(458.571.348)	
Thay đổi từ hợp nhất kinh doanh	-	-	-	2.613.911.890	(6.769.811.888)	(4.155.899.998)	
Tại ngày 31/12/2020	72.000.000.000	21.052.708.180	154.643.934.596	56.515.995.544	170.565.745.872	474.778.384.192	

(*) Tăng vốn từ việc phát hành cổ phiếu thường theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2020.

33

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.20.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Vốn góp của cổ đông	72.000.000.000	36.000.000.000

4.20.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	7.200.000	3.600.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	7.200.000	3.600.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	7.200.000	3.600.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.20.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61.419.563.282	51.356.178.909
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(389.551.418)	(255.471.274)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	61.030.011.864	51.100.707.635
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	7.200.000	7.200.000
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	8.476	7.097

4.21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngoại tệ các loại:		
USD	7.299,70	46.100,55
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Các khách hàng khác	3.856.779.443	3.856.779.443

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu thi công	690.484.658.680	604.382.640.308
Doanh thu kinh doanh VLXD và khai thác mỏ	79.840.759.382	21.156.987.762
Doanh thu gồm sứ chịu lửa	27.498.670.709	32.672.082.256
Doanh thu gạch	49.472.790.195	73.197.950.258
Doanh thu cao lanh	19.963.455.796	26.731.349.106
Tổng cộng	867.260.334.762	758.141.009.690

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn thi công	563.694.195.521	515.868.850.664
Giá vốn kinh doanh VLXD và khai thác mỏ	54.952.052.031	7.665.046.593
Giá vốn gồm sứ chịu lửa	19.142.793.735	21.570.036.229
Giá vốn gạch	27.900.461.033	43.759.260.789
Giá vốn cao lanh	15.052.962.968	18.512.328.118
Cộng	680.742.465.288	607.375.522.393

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi	2.587.001.425	1.868.587.962
Lãi chênh lệch tỷ giá	73.725.832	153.483.538
Chi phí tài chính khác	147.854.521	4.784.163
Cộng	2.808.581.778	2.026.855.663

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền vay	99.165.342	299.413.544
Lỗ chênh lệch tỷ giá	159.811.141	88.639.562
Chi phí tài chính khác	24.745.568	26.807.976
Cộng	283.722.051	414.861.082

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên	298.576.445	387.735.954
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	1.329.179.900	1.602.956.186
Chi phí khấu hao TSCĐ	29.533.332	42.555.304
Chi phí dịch vụ mua ngoài	223.650.653	1.707.315.821
Chi phí bằng tiền khác	457.911.820	343.269.136
Cộng	2.338.852.150	4.083.832.401

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	45.497.141.252	33.946.130.582
Chi phí vật liệu quản lý	2.071.429.665	2.260.612.028
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.630.153.419	1.376.999.617
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.684.354.149	5.025.824.113
Thuế, phí và lệ phí	1.149.154.325	1.094.758.439
Chi phí dự phòng	604.120.856	2.154.704.149
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.311.276.193	2.584.025.501
Chi phí bằng tiền khác	14.575.804.313	16.411.272.288
Cộng	76.523.434.172	64.854.326.717

5.7. Thu nhập khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.188.691.675	13.665.767.892
Thu nhập từ bán đất đai	545.454.545	4.849.208.706
Thu nhập khác	602.805.717	104.644.894
Cộng	2.336.951.937	18.619.621.492

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	342.502.720.909	340.012.746.634
Chi phí nhân công	125.426.265.461	113.229.318.090
Chi phí khấu hao tài sản cố định	57.364.694.928	50.487.546.318
Chi phí dịch vụ mua ngoài	199.846.019.735	136.531.232.825
Chi phí khác bằng tiền	36.741.576.414	42.380.328.820
Cộng	761.881.277.447	682.641.172.687

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong năm được xác định như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	110.649.244.591	98.892.838.442
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	3.608.468.806	6.135.252.640
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(3.059.707.007)	(6.292.137.285)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	111.198.006.390	98.735.953.797
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	22.239.601.278	19.747.190.759
Trừ: Thuế TNDN được ưu đãi	(10.220.959)	-
Trừ: Thuế TNDN được miễn giảm theo nghị quyết 116/2020/QH14	(3.087.765.502)	-
Điều chỉnh thuế TNDN của năm trước	499.572.534	1.437.759.826
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	19.641.187.351	21.184.950.585

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí, thu nhập khi tính thuế như: chi phí nộp phạt vi phạm hành chính, chi phí khấu hao tài sản cố định vượt quá 1,6 tỷ, chi phí không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí không có chứng từ hợp lệ.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Tài sản thuế TNDN hoãn lại, thuế TNDN hoãn lại phải trả của Tập đoàn và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	Lãi chưa thực hiện trong hàng tồn kho VND	Khấu hao TSCĐ VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	(479.892.993)	(725.017.525)	(1.204.910.518)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	(284.292.234)	(55.564.419)	(339.856.653)
Điều chỉnh	-	1	1
Tại ngày 01/01/2020	(764.185.227)	(780.581.943)	(1.544.767.170)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm nay	85.118.603	234.942.399	320.061.002
Tại ngày 31/12/2020	(679.066.624)	(545.639.544)	(1.224.706.168)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**6.1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tăng vốn điều lệ bằng cổ phiếu thưởng	36.000.000.000	-

6.2. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	4.150.340.000	43.588.272.622

6.3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(5.163.979.460)	(43.992.570.662)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Thi công công trình;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng và khai thác mỏ;
- Sản xuất và kinh doanh gốm sứ chịu lửa;
- Sản xuất gạch;
- Khai thác và chế biến cao lanh;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ		Góm sử chịu lửa VND	Cao lanh VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
	Thi công công trình VND	Gạch VND				
Doanh thu thuần	774.482.711.256	112.801.260.847	27.498.670.709	19.963.455.796	(135.563.923.131)	866.888.005.671
GV/HB	649.420.407.787	88.480.444.724	19.142.793.735	15.052.962.968	(137.452.109.960)	680.742.465.288
Lãi gộp	125.062.303.469	24.320.816.123	8.355.876.974	4.910.492.828	1.888.186.829	186.145.540.383
Chi phí bán hàng	547.680.016	108.904.369	1.344.369.500	303.349.172	-	2.338.852.150
Chi phí QLDN	60.074.147.965	1.031.895.016	3.398.331.959	2.755.234.511	2.859.990.694	76.523.434.172
Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh	64.440.475.488	23.180.016.738	3.613.175.515	1.851.909.145	(971.803.865)	107.283.254.061
Doanh thu tài chính	19.102.830.327	16.397.802.684	18.582.120	12.914.216	(33.241.881.484)	2.808.581.778
Chi phí tài chính	123.859.503	(654.878.214)	157.880	5.909.524	808.673.358	283.722.051
Lợi nhuận HĐ tài chính	18.978.970.824	17.052.680.898	18.424.240	7.004.692	(34.050.554.842)	2.524.859.727
Thu nhập khác	2.442.081.749	110.589.151	120.127	1.204.100	(287.881.818)	2.336.951.937
Chi phí khác	1.186.532.279	239.737.599	11.588.553	886.376	-	1.495.821.134
Lợi nhuận khác	1.255.549.470	(129.148.448)	(11.468.426)	317.724	(287.881.818)	841.130.803
Tổng lợi nhuận trước thuế	84.674.995.782	40.103.549.188	3.620.131.329	1.859.231.561	(35.310.240.525)	110.649.244.591
Chi phí thuế TNDN						19.641.187.351
Chi phí thuế hoãn lại						320.061.002
Lợi nhuận sau thuế						90.687.996.238

39

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 87 Phủ Đồng Thiên Vương, Phường 08, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

Thi công công trình Tại ngày 31/12/2020 VND	Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ		Góm sử chịu lửa VND	Cao lanh VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
	Tại ngày 31/12/2020 VND	Gạch VND				
683.097.118.069	99.491.202.424	24.253.947.104	59.716.836.554	17.607.854.795	(151.841.206.235)	732.325.752.711
1.224.706.168	-	-	-	-	-	1.224.706.168
684.321.824.237	99.491.202.424	24.253.947.104	59.716.836.554	17.607.854.795	(151.841.206.235)	733.550.458.879
203.433.974.921	29.629.594.744	7.223.097.180	17.784.342.971	5.243.816.430	(4.542.751.559)	258.772.074.687
Thi công công trình Năm 2020 VND	Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ Năm 2020 VND	Góm sử chịu lửa Năm 2020 VND	Gạch Năm 2020 VND	Cao lanh Năm 2020 VND	Loại trừ Năm 2020 VND	Tổng cộng Năm 2020 VND
84.524.694.227	6.306.600.000	224.161.000	1.358.718.182	218.181.818	-	92.632.355.227
50.068.496.061	4.354.756.007	1.301.109.151	2.188.317.395	585.273.481	(1.133.257.167)	57.364.694.928

40

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ		Gồm sử dụng chịu lửa	Gạch	Cao lanh	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND					
Doanh thu thuần	668.171.864.530	86.886.197.287	32.672.082.256	78.049.213.751	26.731.349.106	(134.943.070.806)	757.567.636.124
GV/HB	581.139.270.297	72.018.249.495	21.570.036.229	48.610.524.282	18.512.328.118	(134.474.886.028)	607.375.522.393
Lãi gộp	87.032.594.233	14.867.947.792	11.102.046.027	29.438.689.469	8.219.020.988	(468.184.778)	150.192.113.731
Chi phí bán hàng	856.300.526	275.790.556	2.053.410.939	521.670.574	376.659.806	-	4.083.832.401
Chi phí QLDN	49.264.329.748	1.467.499.741	2.822.437.047	5.979.129.877	2.705.793.613	2.615.136.691	64.854.326.717
Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh	36.911.963.959	13.124.657.495	6.226.198.041	22.937.889.018	5.136.567.569	(3.083.321.469)	81.253.954.613
Doanh thu tài chính	17.806.578.166	9.782.375.433	11.254.258	714.036.885	164.278	(26.287.553.357)	2.026.855.663
Chi phí tài chính	262.244.609	943.144.852	1.700.984	-	16.392.588	(808.621.951)	414.861.082
Lợi nhuận HĐ tài chính	17.544.333.557	8.839.230.581	9.553.274	714.036.885	(16.228.310)	(25.478.931.406)	1.611.994.581
Thu nhập khác	16.977.789.008	2.925.737.417	603	25.525.180	1.104	(1.309.431.820)	18.619.621.492
Chi phí khác	2.430.854.709	154.457.152	974.592	6.214.791	231.000	-	2.592.732.244
Lợi nhuận khác	14.546.934.299	2.771.280.265	(973.989)	19.310.389	(229.896)	(1.309.431.820)	16.026.889.248
Tổng lợi nhuận trước thuế	69.003.231.815	24.735.168.341	6.234.777.326	23.671.236.292	5.120.109.363	(29.871.684.695)	98.892.838.442
Chi phí thuế TNDN							21.184.950.585
Chi phí thuế hoãn lại							(339.856.653)
Lợi nhuận sau thuế							78.047.744.510

41

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 87 Phủ Đổng, Thiên Vương, Phường 08, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

Thị công trình	Thị công trình	Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ	Gồm sử dụng chịu lửa	Gạch	Cao lanh	Loại trừ	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2020	Tại ngày 01/01/2020	Tại ngày 01/01/2020	Tại ngày 01/01/2020	Tại ngày 01/01/2020	Tại ngày 01/01/2020	Tại ngày 01/01/2020	Tại ngày 01/01/2020
593.983.622.171	77.239.077.131	29.044.446.186	69.383.278.693	23.763.322.598	(156.660.960.671)	636.752.786.108	1.544.767.170
595.528.389.341	77.239.077.131	29.044.446.186	69.383.278.693	23.763.322.598	(156.660.960.671)	638.297.553.278	
172.876.524.837	22.480.120.221	8.453.268.297	20.193.721.938	6.916.218.690	(10.247.853.338)	220.672.000.645	
Thị công trình Năm 2019	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
39.659.566.609	-	2.356.451.271	-	75.393.487.457	(751.864.133)	116.657.641.204	
11.858.570.512	1.624.700.145	2.122.898.610	628.806.982	35.318.684.620	(1.066.114.551)	50.487.546.318	

Chi phí mua sắm tài sản trong năm

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

42

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
1. Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	Công ty con
2. Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng 40	Công ty con
3. Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Công ty con gián tiếp
4. Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắk Nông	Công ty con gián tiếp
5. Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Công ty con gián tiếp
6. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư tạm ứng, phải trả với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn – Xem thêm mục 4.3:		
Ông Lê Cao Quang – Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng(*)	10.579.000.000	-

(*) Đây là khoản ứng trước cho ông Lê Cao Quang – Phó Tổng Giám đốc liên quan đến việc chuyển quyền sử dụng thửa đất số 124, 239, 289, 132, 114, 127, 126 tại địa chỉ Ấp Phú Hợp B, Xã Phú Bình, Huyện Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai, với tổng diện tích 9.129,8 m² và quyền sử dụng thửa đất số 65, 104, 184 tại Xã Nhân Đạo, Huyện Đắk R'Lấp, Tỉnh Đắk Nông, với tổng diện tích 17.669,2 m².

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tạm ứng ngắn hạn:		
Ông Lê Cao Quang – Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	-	4.512.000.000
Ông Lê Văn Quý – Tổng Giám đốc Tập đoàn	3.079.899.039	2.155.435.839
Ông Kim Ngọc Đăng – Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn	-	-
Ông Hầu Văn Tuấn – Thành viên HĐQT Tập đoàn	984.700.000	-
Ông Bùi Duy Tiên – Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng 40	-	400.000.000
Cộng – Xem thêm mục 4.4	4.064.599.039	7.067.435.839

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải trả ngắn hạn khác – Xem thêm mục 4.16:		
Ông Bùi Duy Tiên – Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng 40	(93.000.000)	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Trong năm, Tập đoàn đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vay		
Ông Lê Đình Hiền – Chủ tịch HĐQT Tập đoàn	1.821.740.000	3.623.066.960

Tập đoàn nhận tiền từ các bên liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay từ các bên có liên quan không chịu lãi suất. Khoản vay này được bảo đảm và không có thời gian hoàn trả cụ thể.

Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị Tập đoàn được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Ông Lê Đình Hiền – Chủ tịch HĐQT Tập đoàn	1.043.800.000	378.000.000
Ông Hầu Văn Tuấn – Phó Chủ tịch HĐQT Tập đoàn	162.000.000	177.000.000
Ông Bùi Trung Trực – Thành viên HĐQT Tập đoàn	60.000.000	60.000.000
Ông Mai Nam Dương – Thành viên HĐQT Tập đoàn	60.000.000	60.000.000
Ông Lê Văn Quý – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn An Thái – Thành viên HĐQT Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	186.000.000	241.000.000
Ông Phạm Gia Sâm – Thành viên HĐQT Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	40.000.000	-
Ông Nguyễn Quang Trung – Thành viên HĐQT Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	90.000.000	105.000.000
Ông Trần Hùng Phương – Thành viên HĐQT Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	90.000.000	105.000.000
Ông Hà Văn Minh – Thành viên HĐQT Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	40.000.000	40.000.000
Ông Hà Huy Khánh – Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng 40	36.000.000	36.000.000
Ông Bùi Trung Thu – Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng 40	36.000.000	36.000.000
Cộng	1.903.800.000	1.298.000.000

Thu nhập của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Tập đoàn được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Ông Lê Văn Quý – Tổng Giám đốc kiêm TV HĐQT Tập đoàn	289.500.000	304.200.000
Ông Kim Ngọc Đăng – Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn	217.500.000	302.400.000
Ông Lê Đình Hiền – Tổng Giám đốc đã miễn nhiệm Tập đoàn	271.500.000	777.100.000
Ông Hầu Văn Tuấn – Kế toán trưởng Tập đoàn	217.500.000	302.850.000
Ông Nguyễn An Thái – Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	1.019.250.000	661.250.000
Ông Trần Đại Hiền – Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	493.250.000	444.750.000
Ông Lê Cao Quang – Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	566.250.000	494.750.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ông Nguyễn Quang Duyệt – Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	569.250.000	504.750.000
Ông Trần Văn Hiến – Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	601.250.000	465.375.000
Ông Nguyễn Thanh Toàn – Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	599.250.000	84.375.000
Ông Lê Nam Đồng – Kế toán trưởng Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	561.050.000	421.650.000
Ông Nguyễn Thành Toàn - Giám đốc Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	413.250.000	371.250.000
Ông Trần Huy Phong - Phó Giám đốc Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	352.250.000	276.250.000
Ông Nguyễn Xuân Vinh - Kế toán trưởng Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	314.250.000	231.500.000
Ông Hồ Tấn Dũng - Giám đốc Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	420.000.000	501.500.000
Bà Phan Thị Thoa - Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	90.000.000	213.500.000
Ông Hồ Sỹ Đồng - Giám đốc điều hành mỏ Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	132.000.000	-
Ông Nguyễn Hữu Dũng - Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắc Nông	166.000.000	25.000.000
Ông Lê Văn Hải - Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắc Nông	164.000.000	24.000.000
Ông Bùi Duy Tiên – Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng 40	443.522.800	401.066.000
Ông Nguyễn Văn Sơn – Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng 40	705.904.000	401.066.000
Cộng	8.606.726.800	7.208.582.000

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Tập đoàn trong năm như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Ông Lê Đình Hiến – Chủ tịch HĐQT Tập đoàn	1.512.853.000	946.137.000
Ông Hầu Văn Tuấn – Phó Chủ tịch HĐQT Tập đoàn	322.000.000	269.325.000
Ông Bùi Trung Trực – Thành viên HĐQT Tập đoàn	86.200.000	49.590.000
Ông Mai Nam Dương – Thành viên HĐQT Tập đoàn	180.000.000	102.600.000
Ông Lê Văn Quý – Tổng Giám đốc kiêm TV HĐQT Tập đoàn	114.500.000	65.265.000
Ông Kim Ngọc Đăng – Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn	82.500.000	47.025.000
Ông Nguyễn An Thái – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	262.500.000	182.500.000
Ông Phạm Gia Sâm – Thành viên HĐQT Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	50.000.000	-
Ông Nguyễn Quang Trung – Thành viên HĐQT Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	45.250.000	45.250.000
Ông Trần Hùng Phương – Thành viên HĐQT Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	1.250.325.000	1.250.325.000
Ông Trần Đại Hiến – Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	4.375.000	4.375.000
Ông Lê Cao Quang – Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	31.380.000	31.380.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ông Nguyễn Quang Duyệt – Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	22.500	22.500
Ông Trần Văn Hiến – Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	7.500	7.500
Ông Nguyễn Thanh Toàn – Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	5.000	5.000
Ông Lê Nam Đồng – Kế toán trưởng Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	15.000	15.000
Ông Hà Huy Khánh – Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng 40	12.000.000	18.000.000
Ông Bùi Trung Thu – Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng 40	600.000.000	900.000.000
Ông Bùi Duy Tiên – Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng 40	161.600.000	362.400.000
Ông Nguyễn Văn Sơn – Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng 40	126.800.000	190.200.000
Cộng	4.842.333.000	4.464.422.000

9. THU NHẬP BAN KIỂM SOÁT TẬP ĐOÀN

Tiền lương và các chi phí hoạt động của từng thành viên Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Bà Nguyễn Thị Liên – Trưởng Ban Kiểm soát Tập đoàn	60.000.000	60.000.000
Bà Phạm Thị Tâm – Thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn	24.000.000	24.000.000
Ông Tô Văn An – Thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn	24.000.000	24.000.000
Ông Vũ Ngọc Phách – Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	50.000.000	105.000.000
Bà Nguyễn Thị Thủy Nga – Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	40.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	54.000.000	63.000.000
Bà Nguyễn Thị Phú – Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	24.000.000	-
Ông Lê Thanh Hoà – Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	30.000.000	63.000.000
Ông Trần Đại Hiến - Thành viên Ban kiểm soát Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	24.000.000	44.000.000
Ông Phan Ngọc Sơn - Thành viên Ban kiểm soát Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	24.000.000	44.000.000
Ông Lê Nam Đồng - Thành viên Ban kiểm soát Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	24.000.000	44.000.000
Bà Nguyễn Thị Hoa – Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng 40	67.400.000	183.100.000
Ông Hầu Văn Tuấn – Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng 40	125.887.600	36.000.000
Bà Lê Thị Thủy – Thành viên ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng 40	184.542.400	153.183.600
Ông Dương Văn Vang – Thành viên ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng 40	24.000.000	24.000.000
Cộng	779.830.000	867.283.600

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Bà Nguyễn Thị Liên – Trưởng Ban Kiểm soát Tập đoàn	188.800.000	159.600.000
Bà Phạm Thị Tâm – Thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn	35.000.000	19.950.000
Ông Tô Văn An – Thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn	172.500.000	98.325.000
Ông Vũ Ngọc Phách – Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	13.000.000	13.000.000
Bà Nguyễn Thị Phú – Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	7.250.000	-
Cộng	416.550.000	290.875.000

10. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Trích):

	Tại ngày 01/01/2020 VND (Được báo cáo lại)	Tại ngày 01/01/2020 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Phải trả ngắn hạn khác	4.415.111.798	8.637.207.532
Phải trả dài hạn khác	4.222.095.734	-

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do phân loại lại cho phù hợp với tính chất ngắn hạn dài hạn của nợ phải trả khác.

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Trích):

	Năm 2019 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2019 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	7.097	14.195

Việc báo cáo lại thông tin so sánh nêu trên là do điều chỉnh hồi tố lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu theo số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tăng lên do phát hành cổ phiếu thưởng.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù đang chưa tác động về mặt tài chính cho Tập đoàn đến 31/12/2020 nhưng Tập đoàn cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2020 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Tập đoàn trong những năm tài chính sắp tới.



Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc
Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2021

Hậu Văn Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Dũng
Người lập



Lâm Đồng, ngày 09 tháng 4 năm 2021
Người đại diện pháp luật

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Lê Đình Hiến